

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT

PUBLIC DOMAIN



VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

Tính nhân văn cách mạng của bản TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP HOA KỲ

JAMES GORRIE

Một trong những văn kiện truyền cảm hứng và mang tính cách mạng nhất từng được soạn thảo là bản Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ. Ngày nay, tài liệu tuyệt vời này không được đọc và nghiên cứu nhiều như xưa, nhưng nó nên được nghiên cứu nhiều trở lại. Bản tuyên ngôn mô tả và thể hiện ngắn gọn những lý tưởng cao cả của các Tổ phụ sáng lập Hoa Kỳ khi họ đặt nền móng cho một quốc gia mới, khác với bất kỳ quốc gia nào trước đó hoặc kể từ đó.

Mặc dù bản Tuyên ngôn Độc lập đã được viết cách đây 245 năm, nhưng nó vẫn có tầm nhìn tương lai sâu sắc. Trên thực tế, có nhiều lý do thuyết phục để khẳng định rằng Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện có giá trị tương lai cao nhất trong số mọi văn bản. Nó thực sự đem đến và dự đoán xã hội Mỹ sẽ trở nên tốt đẹp hơn khi người dân sống theo những lý tưởng đã hình thành nên đất nước.

Quý vị thấy đấy, những Nhà sáng lập biết rằng những gì họ đang cố gắng làm là chưa từng có tiền lệ. Họ đang tạo ra một quốc gia được thành lập không dựa trên dòng máu hoàng gia hay các chế độ độc tài tàn bạo, mà là một quốc gia dựa trên luật pháp và những lý tưởng cao đẹp được thể hiện bằng định nghĩa nhân quyền lấy cảm hứng từ Kinh Thánh. Bản Tuyên ngôn cũng thiết lập sự công nhận hợp pháp - và ưu tiên - những người bị cai trị lên trên những người cai trị. Chỉ riêng hai ý tưởng này đã gây chấn động bởi quan điểm của

ẢNH TRÊN: Trích đoạn bức tranh "Tuyên ngôn Độc lập" của John Trumbull (1819) về Ủy ban Năm người gồm các ngài: John Adams, Thomas Jefferson, Benjamin Franklin, Roger Sherman, và Robert Livingston.

Có nhiều lý do thuyết phục để khẳng định rằng Tuyên ngôn Độc lập là văn kiện có giá trị tương lai cao nhất trong số mọi văn bản. Nó thực sự đem đến và dự đoán xã hội Mỹ sẽ trở nên tốt đẹp hơn khi người dân sống theo những lý tưởng đã hình thành nên đất nước.

họ về quyền con người và về bản chất của chính phủ, và cách quyền con người nên được ủng hộ và chính phủ nên bị hạn chế.

Quyền được Thượng đế ban tặng
Chúng ta thấy những ý tưởng mang tính cách mạng này trong mệnh đề đầu tiên của Tuyên ngôn: "Chúng ta coi những chân lý này là hiển nhiên, rằng tất cả mọi người được tạo ra bình đẳng, rằng họ được Tạo hóa ban tặng một số Quyền tất yếu bất khả xâm phạm, trong đó có Quyền được Sống, được Tự do và mưu cầu Hạnh phúc."

Trước tiên, hãy lưu ý các từ "Tạo hóa", "Quyền", "Sống", "Tự do", và "Hạnh phúc" đều được viết hoa. Không phải ngẫu nhiên như vậy. Bằng cách đó, những Nhà sáng lập đã bày tỏ quan điểm của họ về tầm quan trọng của từng điều, và ba điều sau bắt nguồn từ sự thừa nhận và tầm quan trọng của điều đầu tiên, tức là Đấng Tạo hóa hoặc Thượng đế. Về bản chất, Quyền Sống, Quyền Tự do, và mưu cầu Hạnh phúc quan trọng hàng đầu và được Thượng đế ban tặng cho tất cả mọi người. Hơn nữa, tập trung vào quyền của người dân và bảo vệ những quyền đó là mục đích chính của chính phủ Hoa Kỳ mới.

Bây giờ chúng ta hãy khám phá nội hàm và ý nghĩa sâu sắc hơn của cụm từ mở đầu, "Chúng ta xem những chân lý này là hiển nhiên." Chỉ với lời nói đó, những Người sáng lập tuyên bố với chính Vua George III của Anh Quốc rằng chân lý thực sự

tồn tại, rằng đó là chân lý rõ ràng và tất cả mọi người đều biết, không chỉ các vị vua và tầng lớp quý tộc. Hơn nữa, cụm từ này bao hàm ý tưởng rằng chân lý vượt lên trên và nằm ngoài tầm kiểm soát hoặc quyền làm chủ của bất kỳ cá nhân hay thế lực cai trị nào. Về bản chất, các Nhà sáng lập khẳng định rằng chân lý đứng độc lập và không cần đến sự ngụy tạo văn hóa hay triết học. Không có các phiên bản khác nhau của chân lý, không có "chân lý của quý vị" hay "chân lý của tôi". Đúng hơn, chân lý là duy nhất và không bị hạn chế theo đánh giá của con người, và những Tổ phụ Lập quốc tin rằng chân lý là bền vững.

Hơn nữa, cụm từ đó cũng chứng tỏ rằng những Người sáng lập không cần xin phép nhà vua hoặc bất kỳ tòa án pháp luật nào để công nhận hay ủng hộ tuyên bố của họ về chân lý. Họ khẳng định chân lý, xem nó như đã, đang, và sẽ luôn là vậy: như một điều hiển nhiên. Nếu tất cả chúng ta đều được tạo ra bởi Đấng Sáng Thế, và tất cả chúng ta đều được ban cho những quyền bất khả xâm phạm, thì chúng ta bình đẳng trong mắt Ngài và phải bình đẳng trước pháp luật, trong hoạt động của chính phủ và trong xã hội. Ý tưởng đơn giản này là một sự thay đổi mang tính kiến tạo trong tư duy triết học, chính trị và văn hóa, nhưng chỉ là sự thay đổi đầu tiên trong số nhiều ý tưởng khác.

Tiếp theo trang 14

Ý nghĩa cảnh Dương liễu và Tịnh bình của Quan Thế Âm Bồ Tát

THẢO NGỌC

Truyện Tây Du Ký kể rằng, Quan Âm Bồ Tát đến Trường An tìm người đi lấy kinh, khi nhìn thấy Long Vương Kinh Hà đang quấy nhiễu vị hoàng đế nhà Đường, Bồ Tát liền rút cảnh dương liễu phẩy một cái đã đuổi được nghiệp long để cứu nguy cho Hoàng đế. Sau đó khi thấy trò Đường Tăng đến Ngũ Trang Quán, Ngô Không đánh đổ cây nhân sâm, Bồ Tát lại dùng nước Cam Lộ trong bình để cứu sống cây. Sau này, khi cứu Đường Tăng và thu phục Hồng Hải Nhi, Bồ Tát cũng dùng nước Cam Lộ để dập tắt lửa.

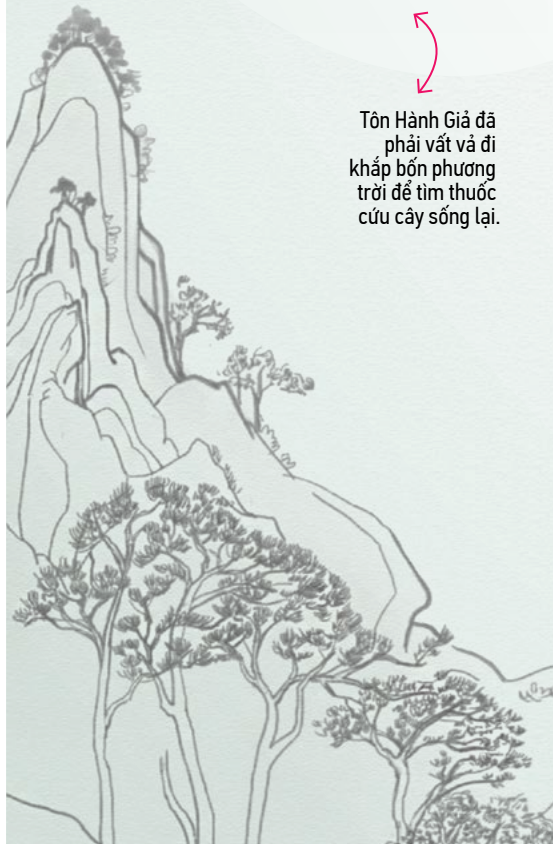
Một cảnh liễu phát phơ mềm yếu, Bồ Tát phẩy nhẹ tay là có thể trừ được bách bệnh, đuổi được nghiệp long, dập tắt được lửa tam muội chân hỏa, lại có thể cứu sống cây Thần. Dương liễu, tịnh bình và nước Cam Lộ, vì sao lại kỳ diệu đến vậy?

Chúng ta hãy cùng trở lại câu chuyện ‘Ngô Không hái trộm nhân sâm quả’ để tìm hiểu ý nghĩa của chiếc bình kỳ diệu này.

Nhân sâm là linh căn của trời đất

Truyện Tây Du Ký kể rằng, khi bốn thầy trò Đường Tăng đến đất Tây Ngưu Hạ Châu, trước mặt hiện ra núi Vạn Thọ, trên núi có Ngũ Trang đạo quán là nơi cư ngụ của Trần Nguyên Tử - vị đại tiên mang thánh hiệu Dữ Thế Đông Quân.

Trần Nguyên Tử là ông tổ dòng địa tiên, táng thứ vượt trên cả những bậc địa tiên khác như Phúc Lộc Thọ Tam Tinh, hay Lê Sơn Lão Mẫu. Trên cảnh của dân vào Ngũ Trang quán có dân đòi cầu đổi, nói lên vị thế của Trần Nguyên tử: *“Phù thân tiên sống mãi không già / Nhà đạo sĩ họ ngang trời đất.”*



Tôn Hành Giả đã phải vất vả đi khắp bốn phương trời để tìm thuốc cứu cây sống lại.

Trong Ngũ Trang quán có một cây tiên quý, sinh ra từ khi càn khôn còn hỗn độn, trời đất còn mờ mịt chưa phân, khắp tứ đại bộ châu trong thiên hạ thì chỉ có Ngũ Trang quán ở Tây Ngưu Hạ Châu là sản sinh ra cây ấy, có tên là “Vạn Thọ thảo hoàn đơn”, cũng gọi là “Nhân sâm quả”.

Nhân sâm quả bé ngoài trông rất giống đứa trẻ sơ sinh, cuống quả dính vào ngọn cây, chân tay dang đưa, đầu mắt gật gù, gió thổi qua kêu lá nghe như tiếng trẻ kêu.

Vậy cây nhân sâm này quý hiếm như thế nào? Kể rằng:

“Giống cây này ba nghìn năm mới nở hoa, ba nghìn năm mới kết quả, lại ba nghìn năm nữa mới chín. Tính ra phải một vạn năm mới ăn được. Và trong một vạn năm ấy chỉ kết được ba mươi quả. Hình dáng quả này tựa đứa bé mới sinh chưa đầy ba ngày, tứ chi hoàn toàn, ngũ quan đủ cả. Ai có duyên được ngửi quả này một lần, thì sống lâu ba trăm sáu mươi tuổi; ăn một quả, sống mãi bốn vạn bảy nghìn năm.”

Tôn Ngô Không non cao tìm thuốc

Khi bốn thầy trò bước vào Ngũ Trang quán, hai tiểu đồng của Trần Nguyên Tử đã vàng lời dặn dò, mang hai trái nhân sâm tới mời Đường Tăng. Nhưng vì loại quả này trông tựa đứa trẻ mới sinh nên Đường Tăng nhất mực khước từ. Vừa nhìn thấy, Tam Tang đã run rẩy sợ hãi, lùi xa ba thước và nói:

“Lạ quá, lạ quá! Năm nay được mùa mà sao nơi đây thất bát đến nỗi phải ăn cả thịt người? Đứa trẻ này chưa đầy ba ngày mà mang cho bán tăng giải khát t ư?”

Đầu hai tiểu đồng thuyết phục thế nào, Đường Tăng vẫn không tin, chỉ kháng kháng cho rằng:

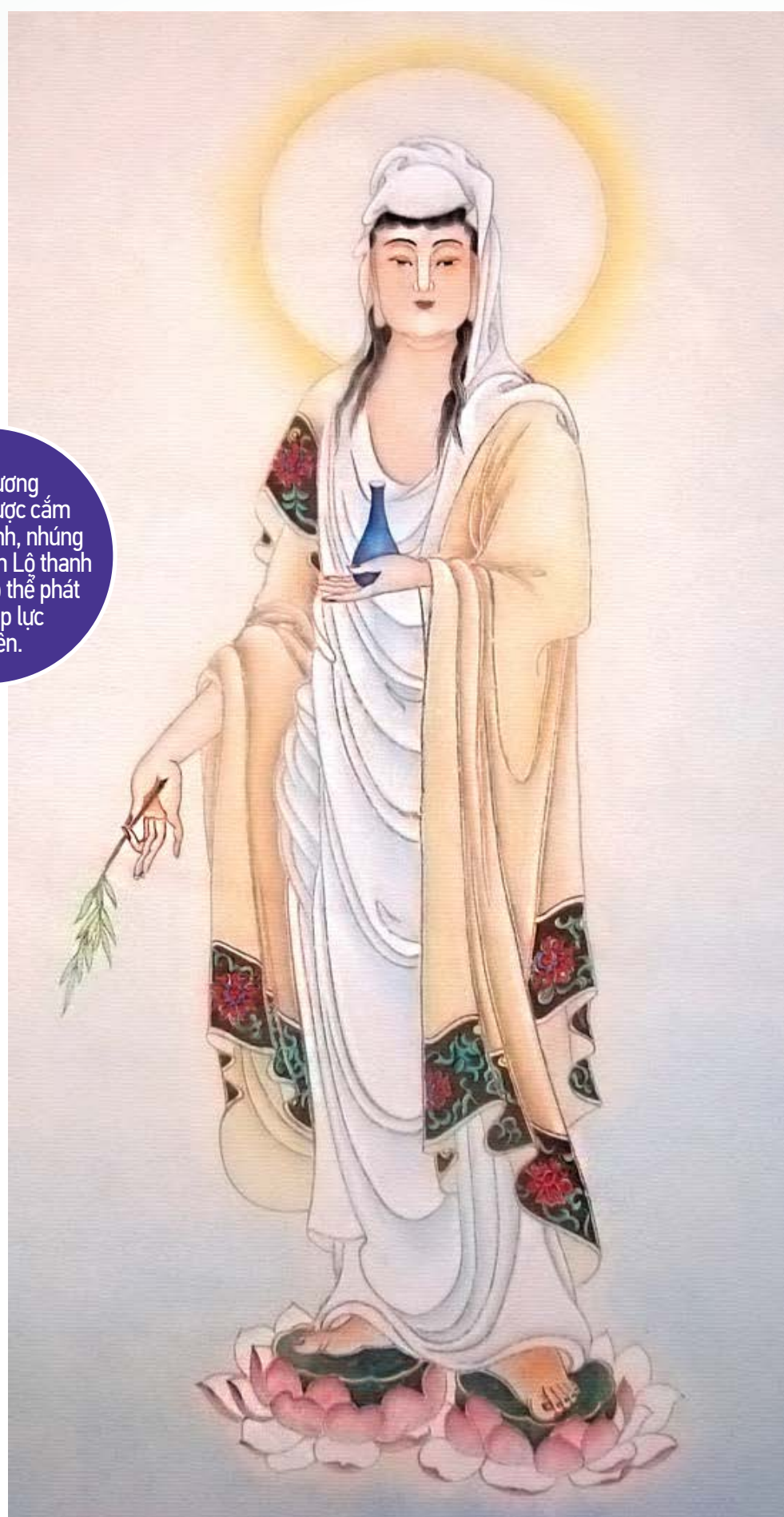
“Cha mẹ thai nghén, chịu đựng không biết bao nhiêu khổ cực mới sinh hạ được. Chưa đầy ba ngày trời mà đã mang ra, cho nó là ‘quả’ ư?”

Hai tiểu đồng không còn cách nào khác đành quay về phòng và chia nhau mỗi người một quả. Bí mật này chẳng may lọt vào tai Trư Bát Giới, động tới bản tính háu ăn của lão Trư.

Bát Giới bèn xúi giục Ngô Không hái trộm nhân sâm cho biết mùi biết vị. Sau khi phát hiện, hai tiểu đồng của Trần Nguyên Tử đã buông lời nhục mạ cả bốn thầy trò, từ đó dẫn đến sự việc đáng tiếc: Tôn Ngô Không đại náo Ngũ Trang quán, đập đổ cây nhân sâm.

Bởi vì nhân sâm là tinh túy của đất trời, là cây thiêng sinh ra từ thứ khai thiên lập địa, cho nên khi đập đổ cây, Ngô Không đã phải vạ và đi khắp bốn phương trời để tìm thuốc cứu cây sống lại.

Lần thứ nhất, Tôn Ngô Không đến Bồng Lai tiên cảnh, gặp ba vị tiên ông là Thọ tinh, Phúc tinh, và Lộc tinh. Ba vị nói rằng, họ tuy là thần tiên nhưng



MINGHUI.ORG

Cảnh dương liễu phải được cắm trong tịnh bình, nhưng khiết mới có thể phát huy pháp lực vô biên.

Tranh vẽ minh họa với bình tịnh thủy và cảnh dương liễu trên tay.

về thứ bậc thì vẫn còn kém xa:

“Thứ quả ấy người được nó đã sống lâu ba trăm sáu mươi năm; ăn một quả, thọ tới bốn vạn bảy nghìn năm, tên là ‘Vạn thọ thảo hoàn đơn’. Đạo của chúng tôi còn kém xa! Họ đắc đạo rất dễ, thọ ngang trời đất. Chúng tôi thì chỉ dùng viên đan lúa mạch mà chúng tôi cũng có thể cứu sống được. Còn như cây nhân sâm ấy là giống cây tiên, chưa thế nào được? Không có thuốc, không có thuốc đâu!”

Lần thứ hai, Tôn Ngô Không đến núi tiên Phương Trượng gặp Đông Hoa Đế Quân - vốn là vị Thần tiên “đệ nhất trong yên hà”, nhưng chỉ nhận được câu trả lời:

“Tôi có một viên ‘Cửu chuyển Thái Ất hoàn đơn’ có thể chữa mọi sinh linh ở thế gian, nhưng không thể chữa cho cây được. Cây là loại thổ mộc chi linh, được trời đất nuôi dưỡng thâm nhuần. Nếu là cây có trăn gian thì còn có thể chữa được, chứ núi Vạn Thọ là đất phúc của trời, quán Ngũ Trang

là động trời của Hạ Châu, cây nhân sâm là giống linh căn từ lúc khai thiên lập địa, thì làm sao mà chữa được! Chịu thôi, không có thuốc gì đâu!”

Cứ như thế, cho đến lần thứ ba, Ngô Không đến Doanh Châu hải đảo, thấy chín vị tiên râu tóc bạc phơ, vẻ mặt hồng hào thanh thoát đang uống rượu chơi cờ, hát cười vui vẻ dưới gốc cây ngọc bèn sườn núi xanh. Nhưng cả chín vị tiên cũng chỉ lắc đầu: Không có thuốc chữa cây! Nhưng cả chín vị tiên cũng chỉ lắc đầu: Không có thuốc chữa cây!

Nước Cam Lộ, Bồ Tát cứu cây

Sau khi rời Doanh Châu hải đảo, Ngô Không sang thẳng Đông Dương đại hải. Trong giây lát đã thấy núi Lạc Giới hiện ra trước mắt. Ngô Không đăm đăm hạ xuống, vào thẳm núi Phổ Đà, thấy Quan Âm Bồ Tát cùng với các vị thần tiên, Mộc Soa, Long Nữ đang giảng kinh thuyết Pháp trong rừng trúc tía. Vừa nghe Ngô Không kể rõ sự tình, Bồ Tát đã quở trách:

Con khi kia, không biết hay dở gì cả! Cây nhân sâm ấy là một loại linh căn có từ ngày khai thiên lập địa. Trần Nguyên Tử là ông tổ dòng địa tiên, ta cũng phải nhường bộ ông ấy ba phần,

tại sao nhà người lại quật đổ cây của người ta?

Sau khi nghe Ngô Không kể rõ sự tình, Bồ Tát lại nói tiếp:

“Tại sao nhà người không đến sớm gặp ta, lại còn ra đảo tìm tòi làm gì? Ta có bình nước Cam Lộ có thể chữa khỏi hết các loại cây tiên có thánh.”

Ngô Không hỏi: *“Đã được chứng nghiệm bao giờ chưa?”*

Bồ Tát nói: *“Trước kia, Thái Thượng Lão Quân có đánh cuộc với ta: Ngài bẻ một cành dương liễu của ta bỏ vào lò luyện đơn, đốt cháy khô xém, rồi lại đưa trả ta; ta cắm vào trong bình, qua một ngày đêm cành lá lại xanh tươi như cũ.”*

Hành Giả cười, rồi nói: *“Thực là hay quá, hay quá! Đốt khô xém vẫn còn chữa được, huống hồ cây mới quật đổ thì dễ như chơi!”*

Nói đoạn, Bồ Tát tay xách bình nước Cam Lộ cùng Ngô Không tới Ngũ Trang quán. Có bài thơ làm chứng rằng:

*Mấy tảng biển đục êm trong vắt
Một tấm lòng ngay tuyệt bụi trần
Cam Lộ, cứu kinh màu nhiệm làm!
Cây tiên chữa sống dẽ vô cùng*

Và quả thực, khi đứng trước cây nhân sâm đất bật rễ trơ, cành khô lá rụng, Bồ Tát đã dùng cành dương liễu và nước Cam Lộ để hồi sinh cây nhân sâm, khiến cành lá lại xanh tươi, hai mươi ba quả lại được phục hồi nguyên trang.

Có thơ rằng:

*Đinh non Vạn Thọ động thiên nhiên
Gán vạn năm trường chín quả tiên
Rễ đứt cây thần, đất lại héo
Nước thiêng Cam Lộ, quả hoa nguyên*

Như vậy, Ngô Không đi khắp mọi nẻo trời, đã tìm đến các bậc đạo tiên nơi núi cao biển rộng, nhưng chỉ duy nhất nước Cam Lộ của Quan Âm Bồ Tát mới có thể hồi sinh cây thần. Vậy điều gì giúp nước Cam Lộ làm nên kỳ tích ấy?

Đòng nước Cam Lộ

Bồ Tát nói với Tôn Ngô Không: *“Trần Nguyên Tử là tổ sư các địa tiên, ta cũng phải nhường bộ ông ấy ba phần...”* Câu nói này của Bồ Tát vừa là lời trách mắng Ngô Không khi dám mạo phạm đến Trần Nguyên đại tiên, vừa tiết lộ vị thế cao quý của Trần Nguyên Tử trong các địa tiên.

Quan Âm Bồ Tát thuộc về Phật gia, còn Trần Nguyên Tử là bậc Chân Nhân thuộc về Đạo gia. Phật và Đạo là hai trường phái tu luyện khác nhau, hai thế hệ hoàn toàn khác nhau: Đạo gia chú trọng thanh tu, tu luyện trong tĩnh, thường là tu đơn độc, hướng đến giải thoát tự thân. Còn Phật gia chú trọng tu Thiện, vì tu Thiện nên có thể xuất tâm từ bi, không chỉ cứu độ bản thân mà còn phát tâm Bồ Đề phổ độ chúng sinh.

Các kinh điển Phật giáo thường nhắc đến “Tây Phương Tam Thánh”, là ba vị Phật A Di Đà, Đại Thế Chí Bồ Tát, và Quan Âm Bồ Tát. Trong đó, Bồ Tát Đại Thế Chí cảm cảnh hoa sen màu xanh đứng bên tay phải Đức Phật A Di Đà, tượng trưng cho Trí Huệ. Bồ Tát Quan Âm cảm nhánh dương liễu và bình tịnh thủy đứng bên tay trái, tượng trưng cho lòng Từ Bi của Đức Phật. Bởi vậy, nước Cam Lộ của Bồ Tát là sinh xuất từ tâm Từ Bi, nên hiển nhiên sẽ khác với “viên đan lúa mạch” của ba vị tiên chốn Bồng Lai, cũng khác với “cửu chuyển Thái Ất hoàn đơn” của Đế Quân - vốn là linh dược của những người tu Đạo.

Nói về nguồn gốc của nước Cam Lộ, có một truyền thuyết kể rằng: Khi Bồ Tát vẫn đang tu luyện giữa thế gian, Ngài đã phải trải qua biết bao nhiêu ma nạn, đã nếm đủ mọi cái khổ trong những cái khó của người đời.

Một ngày, Phật Tổ hiện linh trao cho Ngài chiếc bình Bạch Ngọc Dương Chi, dặn rằng: Con cần tu tới khi trong bình nở hoa, gọi là Cảnh Lộ Dương Chi, lúc đó mới thực sự thành chính quả, pháp lực vô biên.

Còn nói về chiếc bình tịnh thủy, trong Tây Du Ký hồi thứ 6, khi Ngô Không và Nhị Lang Thần so tranh cao thấp, Quan Âm có ý ném tịnh

bình xuống để bắt thạch hầu, Thái Thượng Lão Quân đã gọi chiếc bình ấy là “bình sứ”. Còn trong hồi thứ 42 khi Đại Thánh mới Quan Âm tới thu phục Hồng Hải Nhi, tịnh bình lại được gọi là “bình ngọc báu”. Cho dù bằng sứ hay bằng ngọc, thì đó cũng là chiếc bình thanh tịnh chỉ có nơi Phật giới, tuyệt nhiên không phải là thứ vật tầm thường trong nhân thế.

Nước Cam Lộ ấy phải được đựng trong chiếc bình thanh tịnh và phải dùng cành dương liễu thì mới có khả năng rưới mát chúng sinh. Cành dương liễu cũng phải được cắm trong tịnh bình, nhưng vào nước Cam Lộ thanh khiết mới có thể phát huy pháp lực vô biên. Nghĩa là, ở đây phải có sự kết hợp của ba yếu tố:

Nước Cam Lộ: là thứ nước thánh tinh khiết, rất trong, mát, và thơm ngọt, do hứng ngoài sương mà được - tượng trưng cho lòng từ bi, nghĩa là “Thiện”.

Cành dương liễu: là loại cây yếu mềm lại dẻo dai, uyển chuyển lay theo chiều gió, gió mạnh cũng không gãy, có thể tùy duyên mà không chịu khuất phục, có thể thuận theo ngoại cảnh mà không bị cảnh chi phối. Cành dương liễu mềm dẻo mà lại kiên cường, tượng trưng cho đức nhân nhục và chịu đựng, nghĩa là “Nhân”.

Bình tịnh thủy: là chiếc bình hoàn toàn thanh tịnh chỉ có ở nơi Phật giới, và phải đạt đến độ thánh khiết như bình ngọc thì mới có thể được dùng để đựng nước Cam Lộ. Khi cứu cây nhân sâm, Bồ Tát cũng nói rằng: *“Nước này những vật thuộc ngũ hành không thể nhân nhục, mà phải lấy bầu ngọc múc.”* Như vậy, bình tịnh thủy là tượng trưng của “Chân”.

Vì như có Thiện tâm, có công muốn phổ độ chúng sinh nhưng lại không thể nhân nhục, không thể chịu khổ thì làm sao cứu độ được con người? Cũng ví như có đức Nhân cự đại, có ý chí kiên cường nhưng bản thân không phát tâm từ bi thì làm sao bước ra độ nhân được? Và ví như đã đầy đủ cả Thiện cả Nhân, nhưng lại không mang tâm thuần đức tính chân thật, kính qua đức nhân nhạn trong quá trình tu luyện gian nan, thì mới có thể làm nên những tích thân kỳ...

Vậy mới nói, thứ “linh dược” thần thánh nhất là thứ linh dược sinh xuất khi hội tụ đầy đủ cả Chân, Thiện, và Nhân. Chỉ có thiện tâm lớn lao và lòng từ bi cự đại, được gìn giữ trong đức tính chân thật, kính qua đức nhân nhạn trong quá trình tu luyện gian nan, thì mới có thể làm nên những tích thân kỳ.



Cá chép làm sao để hóa rồng?

THẢO NGỌC

Tương truyền, tại vùng đất Thần Châu có một dòng sông linh thiêng tên gọi Hoàng Hà; trung du Hoàng Hà có ngọn núi cao tên Long Môn. Năm xưa khi ông Đại Vũ trị thủy, đã xẻ núi cho nước chảy xuyên qua đá, tạo nên một vách núi cao hùng vĩ; vì chỉ có Thần Long mới có thể vượt qua nên dân gian gọi đó là “Long Môn”.

Người ta nói, cá chép nếu có thể nhảy qua Long Môn thì sẽ hóa rồng. Nhưng Long Môn là vách đá cao sừng sững, sông Hoàng Hà đổ đến đây tuôn trào như thác, cá chép muốn bơi ngược thác nước hùng vĩ ấy mà nhảy qua Long Môn thì quả thực còn khó hơn lên Trời. Có lẽ phải mất hàng ngàn năm, hàng ức vạn năm mới có thể xuất sinh một con cá chép như vậy.

Vì thế mà có câu chuyện kể rằng: Kể từ ngày cá chép hóa rồng, rất nhiều cá chép khác trên sông Hoàng Hà phấn khởi mà kết bầy bơi ngược dòng đến dưới Long Môn. Cho dù thác nước hung hãn thế nào thì vẫn luôn có vô số con cá chép liều mình nhảy lên, và cho dù có rơi xuống đến đáy đá tróc vảy thì chúng cũng không hề bỏ cuộc.

Thế nhưng đã rất nhiều năm trôi qua, không một con cá chép nào có thể chạm đến Long Môn. Quá thất vọng, chúng bèn kéo nhau đến gặp vua Thủy Tề, xin vua Thủy Tề hạ Long Môn thấp xuống, bởi nếu không sẽ chẳng có con cá nào thành rồng được.

Sau một hồi tranh luận làm rung chuyển thủy cung, cuối cùng vua Thủy Tề cũng đồng ý hạ Long Môn thấp xuống để tất cả cá chép đều có thể dễ dàng nhảy qua. Lễ dĩ nhiên, tất cả chúng đều được trở thành rồng.

Lúc đầu, đàn cá chép rất hoan vui sướng vì cuối cùng chúng đã thoát kiếp nhân - đó quả là kỳ tích mà phải trải qua hàng ức vạn năm mới có thể xuất hiện một lần.

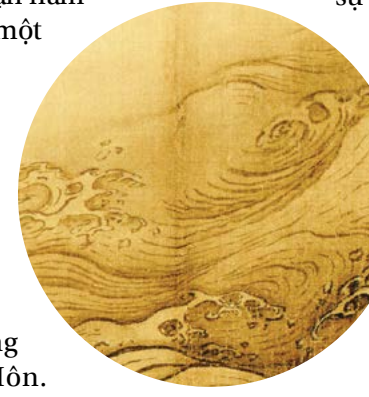
Nhưng sau một thời gian, chúng nhìn nhau và tự hỏi: Rốt cuộc thì làm rồng và làm cá chép có gì khác nhau? Tất nhiên không con nào có thể trả lời được vì tất cả chúng đều giống hệt như nhau.

Thế là đàn cá chép lại cùng nhau gặp vua Thủy Tề để than vãn, rằng chúng phải nhọc sức vượt Long Môn để hóa rồng; vậy mà trở thành rồng rồi lại chẳng có gì thú vị hơn khi làm cá chép.

Vua Thủy Tề cười lớn và nói rằng: - Kỳ thực, trong các người chưa

có ai trở thành rồng cả. Long Môn mà các người dễ dàng nhảy qua thật ra lại là giả. Ta thấy các người đáng lẽ phải nỗ lực một phen gian khổ, nâng cao tiêu chuẩn bản thân... vậy mà các người không chịu cố gắng, lại còn đến gặp ta kêu ca. Bởi vậy ta đã che đi Long Môn thật và dựng lên Long Môn giả để các người thỏa nguyện; chứ Long Môn thật được tạo thành bởi linh khí của trời đất, đừng nói là ta, ngay Ngọc Hoàng Thượng Đế cũng không hạ xuống cho các người đâu!

Cuối cùng, vua Thủy Tề nói: - Nếu tất cả cá chép đều thành rồng dễ dàng, thì ‘rồng’ rốt cuộc cũng chỉ là một tên gọi khác của loài cá chép mà thôi. Các người muốn biết rồng thật sự khác cá chép thế nào, thì chỉ có một cách duy nhất



là bằng mọi giá vượt qua Long Môn thật. Khi đó, Rồng hay Cá thì các người sẽ phân biệt ra ngay.

Tất cả cá chép đều có cơ hội trở thành rồng, nhưng thành hay bại lại là do bản thân nỗ lực như thế nào, không phải là bởi tiêu

chuẩn ấy có hay thấp hay không. Nếu quả thực tiêu chuẩn được hạ thấp rồi, thì đâu có ‘đạt’, vẫn chỉ là mang một tên gọi khác của chính mình mà thôi. Do đó, cá chép muốn hóa rồng thì chỉ còn cách là nỗ lực bơi ngược dòng mà nhảy qua Long Môn.

Quan ài Long Môn cũng giống như những thỏi kim cương được đẽo, mỗi lần vượt qua là một lần thành tựu. Cá chép khát khao được hóa rồng, nhưng vì sao lại không dám vượt qua? Vấn đề không phải là Long Môn cao hay thấp, mà là cá chép có đủ can đảm để dám thân, trải qua một phen gian khổ hay không. Cũng như vậy, chẳng phải chúng ngại nhất của mọi người chính là nhân tâm hay sao?

Khi bầy cá thấy Long Môn quá cao, khó có thể vượt qua, chúng liền kéo nhau tới để xin vua Thủy Tề hạ thấp tiêu chuẩn xuống.

Long Môn giả cho người ta ảo giác về sự thành công, còn Long Môn thật là cảnh giới thực sự của sinh mệnh, hoàn toàn không mơ hồ hay giả tạo - muốn đạt được nó thực sự cần có sự nỗ lực phi thường.

Sẽ không có thành công nào trải hoa hồng; bước qua được trở ngại mới có thể đạt được những điều vô giá. Rốt cuộc thì, cá bơi dưới nước, rong bay trên Trời. Long Môn vẫn luôn ở đó, cơ hội hóa rồng vẫn dành cho bất cứ ai có đủ dũng khí để vượt qua...

‘THUẦN KHIẾT ĐÍCH THỰC’

Shen Yun khắc họa một Trung Hoa trước khi có chủ nghĩa cộng sản

Bắt nguồn từ truyền thống và lòng kính ngưỡng Thần, buổi biểu diễn thể hiện những gì tốt đẹp nhất của văn hóa cổ điển Trung Hoa

CATHERINE YANG

Để chiêm ngưỡng những kiệt tác nghệ thuật của nền văn minh phương Tây, chúng ta phải ngược nhìn lên.

Trên trần nhà của các cung điện và nhà thờ là những khung cảnh bao la về thiên đàng, về những câu chuyện ngụ ngôn và các vị thánh thần trong sự tráng lệ nguy nga. Đó là những kỳ công của kỹ thuật điêu luyện, công nghệ tân tiến, kỹ năng bậc thầy cùng với sự phát triển vượt bậc của trí sáng tạo và trí tưởng tượng của con người, sánh ngang với bất kỳ thứ gì được phát minh ra hôm nay.

Nổi tiếng nhất trong số đó có lẽ là bức bích họa của Michelangelo trên trần Nhà nguyện Sistine. Thay vì mô tả một khung cảnh thiên đường, các bức bích họa là câu chuyện về nhân loại, từ việc tạo ra loài người đến giai đoạn suy thoái và sự cứu rỗi thế nhân, với những vị thần Thần nửa nhân đang quan sát từ các góc xung quanh.

Nghệ thuật tuyệt đỉnh phải thấm vào trái tim, giải đáp những khúc mắc sâu thẳm nhất trong mỗi người và giúp chúng ta tìm thấy ý nghĩa cuộc sống.

“Quý vị hãy nghĩ xem, “Thiên đường sẽ như thế nào? Nếu có thiên đường, thì là như thế nào?” Jared Madsen, một quản trị viên lâu năm của Đoàn Nghệ thuật Shen Yun (Thần Vận) – công ty múa cổ điển Trung Hoa có trụ sở tại New York, cho biết. “Hương về Thần, tìm kiếm điều gì đó cao cả hơn, đó thực sự là những gì quý vị thấy trong văn hóa Trung Hoa và trong rất nhiều buổi diễn của chúng tôi.”

“Điều tuyệt vời là trong màn trình diễn của chúng tôi, quý vị có thể chứng kiến một người không chỉ tìm kiếm mà còn thực sự chạm đến thiên đường. Họ được nâng lên cao và bay vào thiên đàng. Họ nhìn thấy các vị thần tiên, và họ đã trải nghiệm toàn bộ cảm giác đó.”

“Tôi nghĩ rằng đây là điều mà mọi người đang nghĩ đến, mọi người đang băn khoăn. Và chúng ta thực sự được chiêm ngưỡng nó trên sân khấu; thật tuyệt vời!”

Ông Madsen đang đề cập đến một khía cạnh sản xuất độc đáo – và được cấp bằng sáng chế – của đoàn nghệ thuật Shen Yun, thể hiện văn hóa Trung Hoa trước khi chủ nghĩa cộng sản thâm nhập. Trong khi Trung Cộng đi theo tôn chỉ “đấu với trời, đấu với đất và đấu với người” thì văn hóa truyền thống Trung Hoa xoay quanh niềm tin vào sự hài hòa giữa Thiên-Địa-Nhân.

Khung cảnh về thiên cung, về Sáng Thế Chủ hạ thế thiết lập an bài 5,000 năm văn minh, về các vị Thần đến cứu độ những người có lòng tốt và đức tin, về những câu hỏi sâu thẳm của nhân loại từ xưa đến nay liên quan đến mục đích của cuộc sống – tất cả những điều này làm nên một tác phẩm nghệ thuật sống động được thể hiện qua vũ điệu biểu cảm, trang phục rực rỡ, phòng nền kỹ thuật số mở ra vũ trụ bao la. Shen Yun đem đến sự kết hợp của trí tưởng tượng tài tình cùng kỹ năng và kỹ thuật điêu luyện – những yếu tố cần thiết để tạo nên một kiệt tác.

“Đó là một màn trình diễn về văn hóa nhưng sâu sắc hơn thế... Nó kết nối với một điều gì đó nơi cội nguồn của nhân



Vũ công chính của Shen Yun Evangeline Zhu trong buổi phỏng vấn với Đài Truyền hình Tân Dương Nhân (NTDTV).

“**Đối với tôi, loại hình nghệ thuật có thể mở rộng tâm trí con người, có thể khơi gợi nhân tính và hướng trái tim của họ về lòng nhân ái; đó là đẹp.**

*Evangeline Zhu,
Vũ công chính của Shen Yun*



Đây là văn hóa truyền thống đích thực của Trung Quốc, thứ mà Trung Cộng không muốn quý vị biết.



Màn biểu diễn của các vũ công Đoàn Nghệ thuật Shen Yun.

loại,” ông Madsen chia sẻ.

Đây là văn hóa truyền thống đích thực của Trung Quốc, thứ mà Trung Cộng không muốn quý vị biết.

Sự thật về Trung Quốc

Theo trang web của công ty, sứ mệnh của Shen Yun là “hồi sinh nền văn minh 5,000 năm Trung Hoa”. Người Trung Quốc cổ đại tin rằng đây là nền văn hóa Thần truyền, và họ đã gìn giữ chúng nguyên vẹn trong 5 thiên niên kỷ cho đến khi những người cộng sản thực hiện cuộc đảo chính đẫm máu vào năm 1949. Sau khi lên nắm quyền, Trung Cộng đã phát động cuộc Cách mạng Văn hóa, nhổ tận gốc văn hóa truyền thống bằng cách phá bỏ đền chùa, đốt sách, và bức hại những người vô tội. Sự cai trị của Trung Cộng đã khiến ít nhất 50 đến 60 triệu người thiệt mạng.

Văn hóa Trung Quốc dưới chế độ cộng sản đã bị biến dị nghiêm trọng và mất đi phần lớn tinh hoa, nhưng những truyền thuyết, thần thoại, và các nhân vật lịch sử vẫn sống mãi trong ký ức của một số người ở Trung Quốc và hải ngoại. Năm 2006, các nghệ sĩ từ khắp nơi trên thế giới, gồm cả một số người tị nạn thoát khỏi Trung Quốc, đã cùng nhau đến vùng đất tự do Hoa Kỳ để thành lập một công ty nghệ thuật. Nhờ vậy, họ có thể truyền đạt một nền văn hóa gần như đã biến mất, và biểu diễn nó trên sân khấu thế giới.

Ông Madsen cho biết văn hóa truyền thống Trung Quốc bắt nguồn từ tín ngưỡng Thần – Phật Giáo, Đạo Giáo, và Nho Giáo. Trọng tâm của văn hóa là sự kính ngưỡng đối với Thần và niềm tin rằng thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo.

Ông Madsen bị thu hút bởi cái nhìn toàn diện về nhân sinh này; ông quan tâm đến các triết lý Trung Hoa khi còn học trung học. Trong thế giới phạm trần phụ thuộc vào công nghệ hiện đại, những câu hỏi như chúng ta đến từ đâu, mục đích của cuộc sống là gì, và điều gì đang chờ đợi chúng ta ở phía trước không thể tìm được đáp án trong những cuộc trò chuyện thông thường. Nhưng ông Madsen đã tìm thấy câu trả lời trong những triết lý cổ xưa, đôi khi là cả lời giải cho những câu hỏi mà ông chưa từng nghĩ đến. Từ đó, ông bắt đầu tìm hiểu các nền tảng đạo đức truyền thống và phát triển một niềm đam mê to lớn đối với Trung Hoa.

“Và sau đó tôi đến Trung Quốc,” ông Madsen kể. Đó là vào những năm 1990 nhưng thực tế thật âm ảm. “Tôi nhanh chóng nhận ra những điều tuyệt vời mà tôi đọc trong nhiều cuốn sách khác nhau về Nho Giáo và Đạo Giáo, ngay tại thời điểm tôi đặt chân đến Trung Quốc, chúng như một hồi chuông cảnh tỉnh: ‘Ồ, đây là một xã hội cộng sản.’”

Theo một nghĩa nào đó, khi ông Madsen gặp được Shen Yun, ông thấy mình giống như được trở về nhà.



Màn biểu diễn của các vũ công Đoàn Nghệ thuật Shen Yun.

Vẻ đẹp đề cao tâm hồn

Nhà thơ vĩ đại Dante đã viết rằng vẻ đẹp đánh thức tâm hồn.

Vũ công chính của Shen Yun Evangeline Zhu cũng nhận thấy điều tương tự. Vẻ đẹp không chỉ để mãn nhãn. Một vẻ đẹp thuần khiết và siêu việt mà các học giả và nghệ sĩ thời Trung cổ và Phục hưng gọi là vẻ đẹp tự nhiên, hoặc người La Mã gọi là siêu phàm, mới có thể lay động tâm hồn.

Cô Zhu nói: “Có một khía cạnh vô cùng quan trọng của nghệ thuật: đó là nguyên tác thẩm mỹ. Đẹp là gì? Cái gì không đẹp? Nghệ thuật đều hướng đến cái đẹp, nhưng tiêu chuẩn riêng của mỗi loại hình nghệ thuật là rất quan trọng.”

“Tuy nhiên, trong thế giới ngày nay, mọi người không đồng tình về thế nào là ‘đẹp’. Chúng ta nói rằng cái đẹp nằm trong con mắt của kẻ si tình hoặc trong gu thẩm mỹ của riêng tôi. Vì vậy, tôi nghĩ tâm trí và sự hiểu biết về đạo đức của người nghệ sĩ cũng quan trọng như kỹ năng của họ.” Để thể hiện vẻ đẹp siêu việt, người nghệ sĩ phải tìm tòi và hiểu được ý nghĩa thực sự của nó.

Shen Yun nghiêm túc nhìn nhận trách nhiệm hiểu về cái đẹp; tên gọi Shen Yun có nghĩa là “vẻ đẹp của những vũ điệu thần tiên”. Ngay cả trang phục của Shen Yun cũng được trang trí với nhiều chi tiết hơn bất kỳ sản phẩm nào khác giá từng thấy, được thực hiện với sự tôn trọng nguyên bản, dựa theo trang phục của các triều đại mà nghệ thuật lưu truyền là lấy cảm hứng từ thiên thượng.

“Đối với tôi, loại hình nghệ thuật có thể mở rộng tâm trí con người, có thể khơi gợi nhân tính và hướng trái tim của họ về lòng nhân ái; đó là đẹp,” cô Zhu nói.

Múa cổ điển Trung Hoa nổi tiếng với tính biểu cảm cao và có khả năng kể chuyện thông qua các điệu múa. Các buổi biểu diễn của Shen Yun bao gồm hơn một chục tiết mục múa. Mỗi tiết mục được thể hiện trên nền giai điệu cổ Trung Hoa nguyên bản, do đàn nhạc cổ điển phương Tây kết hợp với một vài nhạc cụ Trung Hoa hòa tấu. Những câu chuyện này kể về tình yêu và sự mất mát, niềm vui, và bi kịch, mối quan hệ giữa cha mẹ và con, những anh hùng với đức hạnh và lòng dũng cảm khi bảo vệ thường dân. Cô Zhu đã chứng kiến nhiều khán giả xúc động đến rơi nước mắt qua màn trình diễn của cô.

Cô chia sẻ: “Múa là một hình thức giao tiếp. Nó truyền tải điều gì đó vượt xa ngôn ngữ, và thông qua các giác quan, quý vị giao tiếp và gây ấn tượng với khán giả bằng một điều gì đó sâu sắc.”

“Bạn muốn chia sẻ gì? ... Tôi nghĩ đây là điều quan trọng mà một nghệ sĩ phải suy nghĩ.”

Khơi gợi lòng nhân ái trong trái tim mọi người

Điều mà khán giả đem theo khi ra về là cảm hứng và hy vọng.

Gần đây, sau một thời gian dài gián đoạn do đại dịch, những người dự định đến xem Shen Yun biểu diễn tại Trung tâm Lincoln cuối cùng cũng có cơ hội trở lại. Tại Stamford, Connecticut vào ngày 26/06, Shen Yun đã khởi động một mùa biểu diễn mới.

Anh Chris Fiene, một kỹ sư cho biết: “Buổi diễn giúp tinh thần tôi phấn chấn. Sau đại dịch, thật vui khi cuối cùng tôi được trải nghiệm một buổi biểu diễn với những người khác, và thấy họ cũng rất thích thú.”

Anh John Connor Blow bước ra khỏi rạp với hai cánh tay giờ lên, bày tỏ lòng biết ơn. “Tôi đã rơi nước mắt vì vui sướng,” anh mong ước được xem Shen Yun cả năm trời. “Và nó đã thay đổi cuộc đời tôi.”

“Quý vị có thể cảm thấy mối liên hệ giữa bản thân với các vũ công và câu chuyện mà họ đang cố gắng kể. Tôi cảm thấy tuyệt vời. Đó là một trải nghiệm đáng kinh ngạc,” ông Diego Mansilla, giáo sư tại Đại học Massachusetts cho biết. Ông và vợ mình, bà Adel, đã chờ đợi ròng rã gần ba năm để xem Shen Yun. Ông Diego nói, một số tiết mục của Shen Yun thể hiện bi kịch, nhưng cuối cùng thì cái thiện của con người sẽ chiến thắng. Bất kể nghịch cảnh thế nào, kết thúc của mỗi câu chuyện đều đem lại sự tốt lành và hy vọng.

Bà Adel nói rằng đây sẽ là điều đáng nhớ cùng họ trong cuộc sống hàng ngày như một lời nhắc nhở “Hãy chắc rằng điều ác không bao giờ chiến thắng trong con người chúng ta... và rằng điều tốt đẹp mà các vũ công thể hiện, tôi giữ nó trong tâm và đưa ra lựa chọn lý trí rằng tôi không muốn ở cùng phe với các thế lực xấu.”

“Họ đã cố gắng rất nhiều để chúng ta thấy được đó, để truyền cảm hứng cho chúng ta... sự thuần khiết đích thực này,” cô nói. “Làm sao tôi có thể trở về nhà và nói giản với thứ gì đó? Không thể... Tôi cảm thấy bây giờ tôi có trách nhiệm truyền đi tiếp những gì họ đã gửi gắm cho chúng ta. Họ đã rất nỗ lực.”

NTD đã đồng ý cho bài báo này.

The Epoch Times tự hào là nhà tài trợ của Đoàn Nghệ thuật Shen Yun. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập ShenYunPerformingArts.org.

Phương Du biên dịch



Tác phẩm “Sự cẩn trọng và nam tính” (Prudence and Manly Virtue) của Paolo Veronese, 1560–1561.

Đức tính bị lãng quên: Sự Cẩn Trọng

JEFF MINICK

Khi nhắc đến sự cẩn trọng (prudence), chúng ta có thể nghĩ ngay đến sự cảnh giác (caution). Một số người thậm chí có thể gắn nó với từ “prude”, nghĩa là một người thiếu quyết đoán hoặc quá cứng nhắc trong cách hành xử.

Tuy nhiên, theo quan niệm của người xưa, cẩn trọng là một trong bốn đức tính nền tảng; được gọi là “auriga virtutum”, tức là đức cầm cương, là tính chất có khả năng dẫn lối cho mọi đức tính. Bất nguồn từ tiếng Latin “providentia” có nghĩa là nhìn xa, khôn ngoan – thận trọng trong việc lắng nghe bản thân và người khác, tìm kiếm lời khuyên và sự sáng suốt, cuối cùng đưa ra phán quyết đúng đắn cho một hành động và lập kế hoạch tương lai.

Đa số chúng ta, đặc biệt là khi còn trẻ, thường bỏ qua đức tính này. Chúng ta lao vào một tình huống mà không xét đến hậu quả, hoặc bỏ ngoài tai lời khuyên của cha mẹ và gặp thất bại thảm hại. Sự thiếu cẩn trọng cũng có thể gây ra hậu quả ở cấp độ quốc gia.

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà vai trò của “cẩn trọng” bị “manh động” chiếm chỗ, tức là khi mà cảm giác và cảm xúc đã gạt lý trí và sự tinh táo sang một bên.

Sự cẩn trọng cần được hồi sinh. Bằng cách phục hồi việc thực hành đức tính đó, một cách công khai và cá nhân từ, chúng ta sẽ trao lại dây cương – của những con ngựa đang chạy trốn chúng ta – cho “người cầm cương” sáng suốt.

Tác giả Jeff Minick dạy lịch sử, văn học và tiếng Latin tại Asheville, North Carolina trong 20 năm. Hiện chỗ, ông sống và viết tại Front Royal, Virginia. Vui lòng truy cập JeffMinick.com để theo dõi blog của ông.

An Nhiên biên dịch



(Ảnh minh họa)

Câu chuyện Trung Hoa cổ về nhân quả báo ứng

LEO TIMM

Người Trung Hoa thường tin vào quy luật thiện ác hữu báo. Với sự xuất hiện của Phật giáo và những thuyết về luân hồi chuyển kiếp, Thiên lý này chi phối các kiếp sống của một người, từ trước khi sinh ra đến sau khi qua đời.

Câu chuyện dưới đây được ghi lại trong truyền thuyết dân gian Trung Quốc, diễn ra vào thời kỳ chuyển tiếp triều đại giữa nhà Minh và nhà Thanh vào thế kỷ 17. Ở trong làng cách Bắc Kinh vài dặm, có một điền chủ giàu có được gọi là ông Tiên.

Cách nhà ông Tiên chưa đến một dặm là nơi gia đình người nông dân họ Lý sinh sống. Người ta gọi người chủ gia đình đó là "Anh Lý". Bởi vì anh Lý là một thợ né giới, nên thường được ông Tiên thuê giúp nhiều việc vặt vặt khác nhau. Ông Tiên rất hào phóng chi trả. Thời gian trôi qua, ông Tiên và anh Lý cũng như gia đình hai bên trở nên thân quen.

Một ngày nọ, ông Tiên cùng gia đình đi đến phía Nam để làm ăn. Phải mấy tháng sau họ mới có thể trở về. Trước khi đi, ông Tiên cho gọi anh Lý. "Này anh Lý, chúng ta là bạn bè thân thiết. Anh có thể giúp tôi một việc được không?"

"Thưa ông Tiên, xin ông cứ nói ra đừng ngại."

Ông Tiên hỏi, "Tôi có một kho rượu hảo hạng. Tôi sợ rằng những người làm thuê trong nhà sẽ uống chúng trong khi tôi đi xa. Anh có sẵn lòng cho tôi gửi chúng trong nhà anh và trông coi hộ tôi được không?"

"Chuyện nhỏ thôi, tôi cứ tưởng đó là chuyện gì lớn! Tôi sẽ trông coi từng chum rượu cho ông không một chút sơ suất nào. Ông cứ yên tâm và lên đường bình an!" anh Lý trả lời.

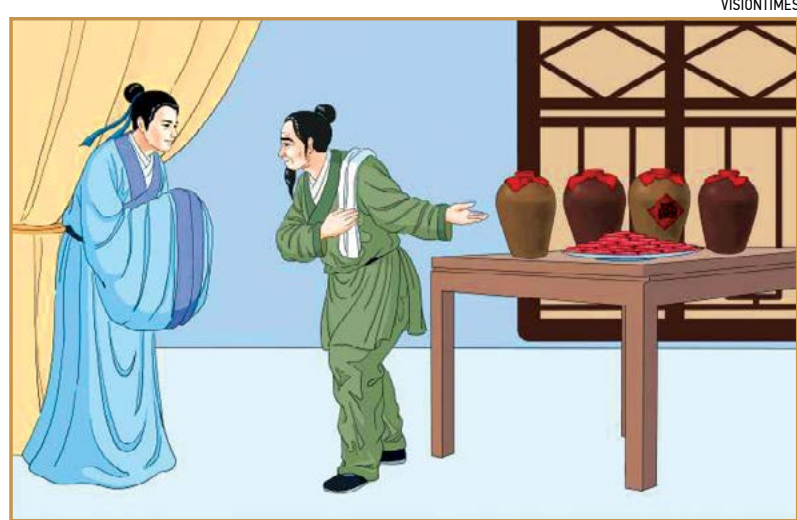
Vậy là, ông Tiên đã cho chuyển 30 chum rượu được niêm kín đến nhà anh Lý. Anh Lý cất chúng trong một căn phòng trống và khóa cửa cẩn thận.

Hành vi tội lỗi

Hai tháng trôi qua, không có tin tức về ông Tiên và gia đình của ông ta.

Một ngày nọ, anh Lý kiểm tra số rượu của ông Tiên; mỗi chum rượu được phong kín bằng loại giấy dày. Anh ta bung một chum rượu lên ngửi, nhưng kỳ lạ thay, chẳng có chút mùi rượu nào.

"Thật kỳ lạ. Mặc dù chum rượu được bịt kín, nhưng đáng ra mình vẫn có thể ngửi thấy mùi rượu chứ nhỉ," anh Lý trầm nghĩ. Sau đó, anh ta lắc lắc chum rượu, nhưng cũng không thấy có tiếng rượu sóng sánh. Điều này lại một lần nữa khiến anh ta cảm thấy khó hiểu. Một ý nghĩ chợt nảy ra, anh



VISIONTIMES

ta mở phân niêm phong chiếc chum. Anh ta vô cùng kinh ngạc trước những gì mình nhìn thấy: trong chum toàn là bạc trắng lấp lánh!

Rất nhanh chóng, anh ta mở tất cả những chiếc chum còn lại. Mỗi chum đều chứa những thỏi bạc quý giá - 3.000 lượng tất cả. Lòng tham nổi lên, anh Lý nghĩ ra một mẹo kế xảo quyệt. Sau khi lấy hết số bạc trong những chiếc chum, anh ta lấy ra một ít tiền mặt, đi mua rượu ngon, rồi đổ đầy rượu vào các chum rượu. (Ảnh minh họa)

Thế còn chỗ bạc thì sao? Giờ chúng đã được cất giấu trong căn hầm tối nhà anh Lý, và không thể về lại tay ông Tiên.

Vài tháng sau, gia đình ông Tiên cuối cùng cũng đã quay trở về từ chuyến đi. Anh Lý trả 30 chum rượu cho ông Tiên như chưa từng có chuyện gì xảy ra. Ngay khi anh ta rời đi, ông Tiên mở các chum rượu ra, nhưng hơi ối, bạc của ông đã biến thành rượu. Ông lập tức biết rằng số tiền tiết kiệm cả đời của mình đã bị anh Lý lấy đi, nhưng ông không thể làm được gì.

Tinh thần ông suy sụp vì đau khổ, và chưa đến nửa năm sau, ông qua đời trong sự già yếu.

Thấy ông Tiên đã qua đời, anh Lý biết rằng thời cơ trở nên giàu có đã đến. Anh ta dùng bạc của ông Tiên để mua đất, xây một dinh thự sang trọng, và cưới nhiều thê thiếp.

Điềm báo

Thời gian qua đi, một người vợ của anh Lý mang thai. Anh rất vui mừng vì anh đã mong ước có một đứa con trai, nhưng vợ cả của anh ta lại hiếm muộn. Sao một người đàn ông giàu có lại không có người thừa kế được chứ?

Tuy nhiên, vào đêm trước khi đứa trẻ ra đời, anh Lý có một giấc mơ hãi hùng. Trong giấc mộng, khi anh ta đang ngồi trong gian nhà mình uống trà, thì cánh cửa đột nhiên mở toang và một người đàn ông bước vào -

không ai khác chính là ông Tiên quá cố! Trên vai ông là một bao tải lớn, và ông nở một nụ cười đầy bí hiểm.

"Ta đến để đòi nợ người đây," ông Tiên nói. Ông cười to và đôi mắt ông sắc nhọn như dao.

Anh Lý choàng tỉnh, mồ hôi đầm đìa và tim đập thình thịch.

Như dự tính, một người tỳ nữ bước vào và báo tin cho anh Lý rằng người vợ hai đã sinh hạ một bé trai khỏe mạnh và mập mạp.

Anh Lý trở nên cảnh giác, vì cảnh tượng anh ta vừa thấy trong mộng, và nghi ngờ có điều gì đó liên quan đến đứa bé mới sinh. Anh Lý vẫn thận trọng và để phòng đứa con trai, nhưng nhiều năm trôi qua, con trai anh ta lớn lên và trở thành một đứa trẻ tài năng, có chí và ngoan ngoãn hiểu thảo. Cậu bé học giỏi và anh Lý đã mời các thầy giáo tốt nhất dạy cho con mình. Tất cả đều khen ngợi con trai anh ta là một thiên tài, ắt sẽ đỗ đạt làm quan. Thời gian dần qua đi, anh Lý hoàn toàn quên về điềm báo của ông Tiên trong giấc mộng kia.

Hoàn trả nợ nghiệp

Con trai anh Lý trưởng thành. Cậu thanh niên lên kinh đô ứng thí, và như mong đợi, cậu đã đỗ đạt cao và được phong làm quan thất phẩm. Gia đình anh Lý tổ chức tiệc mừng. Trong bữa tiệc, một vị khách nói với anh Lý: "Việc mua quan bán chức hiện đang thịnh hành trong triều đình. Anh Lý à, vì con trai anh, tôi thấy anh nên dùng của cải mà mua cho con trai một chức quan cao hơn." Những người có mặt trong bữa tiệc cũng đồng tình.

Anh Lý nghĩ: "Con trai duy nhất của ta không phải là một kẻ tầm thường. Tuổi trẻ tài cao mà lại bị mắc kẹt ở chức quan thất phẩm thì thật là uổng phí." Thế là anh Lý chỉ một số vàng lớn để hối lộ quan phủ, và một thời gian ngắn sau, con trai anh ta được thăng lên làm quan tứ phẩm. Anh Lý vô cùng mừng rỡ về điều này.

Sự nghiệp của con trai giờ đã ổn định, việc tìm một cô dâu môn đăng hộ đối thì không có gì khó. Tuy nhiên, con trai anh nhất quyết không cưới ai ngoài một vị tiểu thư, con gái của quan tế tướng đầy quyền lực trong triều đã khiến cậu mê đắm. Để cưới được vị tiểu thư này cho con trai, Lý lại phải bỏ ra một khoản tiền lớn nữa.

Gần tới ngày cưới, ai nấy đều vui vẻ, nhưng không ai vui mừng hơn anh Lý. Một đêm nọ, sau khi uống mấy tuần rượu ngon, Lý ngủ thiếp trên giường. Ngay sau khi chìm vào giấc ngủ, con ác mộng cũ lại hiện lên: cảnh tượng đã ám ảnh Lý vào đêm trước khi con trai anh ta được sinh ra! Ông Tiên lại một lần nữa đứng trước mặt Lý!

Ông Tiên cười lớn: "Ta đã mất nhiều năm. Nhưng cuối cùng ta đã lấy lại được những gì nhà ngươi nợ ta, cùng với một số lãi nữa."

Vừa nói, ông vừa vò vào chiếc bao trên vai. Nếu nhìn kỹ thì sẽ thấy nó nặng dần dần.

"Khoản nợ đã được hoàn trả xong. Ta thấy ta nên rời đi rồi," ông Tiên nói tiếp.

Ngay khi Lý tỉnh dậy, người gia nhân trong nhà cấp tốc chạy vào báo với Lý tin xấu:

"Lão gia, lão gia! Cậu chủ bị ốm nặng!" Nỗi kinh sợ được chôn giấu trong lòng anh Lý bấy lâu nay quay trở lại. Sau một thoáng sững sờ, anh Lý loang loạng đi đến phòng con trai. Nhưng đã quá muộn, con trai yêu quý của Lý đã qua đời.

Anh Lý ngã khuỵu. Giờ đây, tất cả mọi việc đã sáng tỏ. Ông Tiên đã đầu thai thành con trai duy nhất của Lý và đến để lấy lại những gì thuộc về ông, tính thêm cả phần lãi. Từ khi sinh ra cho đến khi qua đời, con trai Lý đã khiến anh ta phải tiêu ít nhất 30 nghìn lượng bạc vào học phí và tiền hối lộ mua chức quan.

Chẳng còn lại gì ngoài hai bàn tay trắng, anh Lý lang thang khắp phố như một người ăn xin, gấp bất kỳ ai cũng kể về câu chuyện nhân quả báo ứng của mình. Anh ta cảnh báo mọi người rằng có phạm Thiên lý thì cuối cùng không thể thoát được quả báo. Chúng kiến tình trạng tham thương của anh ta, người đời cho rằng anh Lý đã phát điên.

Nhã Liên biên dịch

Bài học từ cổ nhân: Trọn đời giữ lời đính ước

EMG INSPIRED STAFF

Trong xã hội hiện đại, những cuộc hẹn hò trực tuyến, những sự kiện kết nối hẹn hò thần tốc, và thậm chí là các hệ thống dịch vụ mai mối đã thay thế người mai mối trong hôn nhân truyền thống.

Thời Trung Hoa cổ đại, cha mẹ sẽ tìm một người bạn đời phù hợp cho con trai hoặc con gái của mình. Theo cách này, họ sẽ tìm kiếm một gia đình môn đăng hộ đối để dựng vợ gả chồng cho con. Và vai trò của ông mai bà mối chính là sắp xếp hôn sự cho các cặp đôi, điển hình như bà mối trong câu chuyện dân gian "Hoa Mộc Lan".

Không Tử, một triết gia lỗi lạc trong lịch sử Trung Hoa, từng đề cập rất nhiều đến hôn nhân truyền thống. Tư tưởng Nho Giáo cho rằng vai trò của người chồng và người vợ đều rất quan trọng; hai người bổ sung, tương hỗ cho nhau tựa như triết lý âm dương. Từ thời cổ đại, hôn nhân đã được xem trọng và có nghi thức trong văn hóa Trung Hoa. Cách truyền thống này đòi hỏi đôi lứa "cưỡi trước, yêu sau", tin rằng sau khi đã có sự chi hồng của ông Tơ bà Nguyệt thật chặt, họ sẽ dần tìm hiểu nhau.

Tiến trình mai mối truyền thống của Trung Hoa xưa điển ra với nhiều lần trao đổi, bàn luận, và cần phải xét đến đến địa vị, danh tiếng của gia đình cô dâu, gia đình chú rể, cũng như mối quan hệ xã hội của hai bên. Họ tin vào nguyên tắc "môn đăng hộ đối". Tuy nhiên, mọi việc liên quan đến tiến trình tìm hiểu này đều không có sự tham gia của tân lang và tân nương tương lai.

Cha mẹ thường hiểu con của mình nhất, biết rõ những điểm mạnh và điểm yếu của con mình. Họ sẽ là người đưa ra quyết định tốt nhất cho cặp đôi trong hôn nhân. Một câu chuyện dân gian từ thời nhà Thanh kể về việc tôn trọng và gìn giữ lời đính ước - thể hiện tư cách và bản chất thực sự của một người.

Chuyện kể rằng, một thanh niên lương thiện và có nhiều triển vọng tên Hàn Văn Môn đã đính ước với một thiếu nữ nhà họ Tê. Tuy nhiên, ngay sau đó, bỗng dưng có gái họ Tê bị mù cả hai mắt. Cha mẹ cô gái nói: "Hàn Văn Môn là người thông minh và có năng lực; anh phải kết hôn với một cô gái mù thì thật không xứng." Cha mẹ cô gái nguyên sẽ chăm sóc cho cô cả đời. Phía cha mẹ của Hàn Văn Môn cũng đồng ý hủy bỏ hôn ước.

Tuy nhiên, Hàn Văn Môn cho rằng "hôn ước là điều cần phải giữ trọn cuộc đời." Với phẩm chất đạo đức và chính trực, anh

quyết định lấy cô gái mù làm vợ theo đúng phong tục lúc bấy giờ.

Vào thời đó, gia đình cô dâu thường chuẩn bị hồi môn cho con gái đem về nhà chồng. Phía gia đình nhà họ Tê đã phái một cô gái hầu gái xinh đẹp đi theo cô dâu và xem như đó là của hồi môn. Khi biết điều này, tân lang rất buồn và nói lời từ chối: "Thật khó để kiếm chế ham muốn của con người. Xin để vợ chồng con có được cuộc sống hòa thuận; con không muốn có món quà này trong nhà."

Nhiều năm qua đi, Hàn Văn Môn và vợ có một cuộc sống hạnh phúc, hòa hợp; họ rất hiểu nhau, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hàn Văn Môn được tiến cử đảm nhiệm chức quan cao nhất phụ trách về giáo dục của tỉnh. Người dân trong vùng ngợi ca và lan truyền tính trung thực và tình yêu chung thủy của người chồng và người vợ đều rất quan trọng; hai người bổ sung, tương hỗ cho nhau tựa như triết lý âm dương. Từ thời cổ đại, hôn nhân đã được xem trọng và có nghi thức trong văn hóa Trung Hoa. Cách truyền thống này đòi hỏi đôi lứa "cưỡi trước, yêu sau", tin rằng sau khi đã có sự chi hồng của ông Tơ bà Nguyệt thật chặt, họ sẽ dần tìm hiểu nhau.

Thật đáng buồn thay, Trung Cộng trong những năm 1950 đã cấm các cuộc hôn nhân được sắp đặt theo truyền thống. Thay vì xin cha mẹ chấp thuận, giờ đây các cặp đôi phải có được sự cho phép của Trung Cộng mới được kết hôn. Các luật mới đã "loại bỏ việc nạp thê thiếp, sinh lễ, sắp đặt hôn nhân... Họ tuyên truyền khuyến khích tự do hôn nhân," và cho phép ly hôn; những quy định này đã làm băng hoại giá trị gia đình truyền thống Trung Hoa vốn được xem như một nguồn sức mạnh độc lập.

Tuy nhiên, mọi việc liên quan đến tiến trình tìm hiểu này đều không có sự tham gia của tân lang và tân nương tương lai. Cha mẹ thường hiểu con của mình nhất, biết rõ những điểm mạnh và điểm yếu của con mình. Họ sẽ là người đưa ra quyết định tốt nhất cho cặp đôi trong hôn nhân. Một câu chuyện dân gian từ thời nhà Thanh kể về việc tôn trọng và gìn giữ lời đính ước - thể hiện tư cách và bản chất thực sự của một người.

Chuyện kể rằng, một thanh niên lương thiện và có nhiều triển vọng tên Hàn Văn Môn đã đính ước với một thiếu nữ nhà họ Tê. Tuy nhiên, ngay sau đó, bỗng dưng có gái họ Tê bị mù cả hai mắt. Cha mẹ cô gái nói: "Hàn Văn Môn là người thông minh và có năng lực; anh phải kết hôn với một cô gái mù thì thật không xứng." Cha mẹ cô gái nguyên sẽ chăm sóc cho cô cả đời. Phía cha mẹ của Hàn Văn Môn cũng đồng ý hủy bỏ hôn ước.

Tuy nhiên, Hàn Văn Môn cho rằng "hôn ước là điều cần phải giữ trọn cuộc đời." Với phẩm chất đạo đức và chính trực, anh

Minh Vi biên dịch



Các bậc cha mẹ đang tìm bạn đời cho con mình tại một chợ hôn nhân ở Thượng Hải vào ngày 30/05/2015.



WIKIMEDIA COMMONS

Tân nương dâng trà mới cha mẹ chồng trong một tranh vẽ đám cưới thời nhà Thanh.

Xét cho cùng, văn hóa hôn nhân có cha mẹ tham gia vào không phải là điều tồi tệ.



SHUTTERSTOCK/ZHAOYAN

Ảnh minh họa một đám cưới theo phong cách Trung Hoa cổ.



PUBLIC DOMAIN

"Sự công bình" (Justice) của Giuseppe Salviati, khoảng năm 1559.

Đức hạnh chính trực: Sự Công Bình

JEFF MINICK

Sự công bình. Khi nghe đến những từ này, chúng ta có thể nghĩ đến một phòng xử án với những thẩm phán và các thành viên trong bồi thẩm đoàn.

Nhưng các triết gia Hy Lạp và những nhà tư tưởng đời sau thì cho rằng đức tính nền tảng của sự công bình có ý nghĩa hơn nhiều so với một hệ thống luật pháp. Đối với họ, công bình có nghĩa là chính trực và vô tư, không thiên vị, là điều mà chúng ta thể hiện với những người thân yêu và hàng xóm láng giềng của mình, đối xử với họ bằng sự tôn trọng như bản thân chúng ta mong muốn được đối xử.

Khí chúng ta hành động một cách chính trực và bình đẳng với tất

cả những người xung quanh - tăng lương cho một nhân viên xứng đáng, lắng nghe những người không cùng quan điểm, thay vì lên án hãy cố gắng tìm hiểu -- chúng ta thúc đẩy sự hòa hợp và làm vững mạnh những nền tảng suy yếu của nền văn hóa và văn minh hiện nay của chúng ta.

Hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới đều khuyến khích các tín đồ của họ thuận theo nhiều phiên bản của Quy tắc vàng với thông điệp: "Hãy đối xử với người khác theo cách mà bản thân bạn muốn được đối xử."

Ân sâu trong câu danh ngôn cổ xưa đó là những nhịp đập trái tim của sự công bình chân chính.

An Nhiên biên dịch



Satan đặt câu hỏi đầu tiên trong Kinh Thánh: "Satan quan sát Adam và Eva trong Vườn Địa Đàng" tranh của John Martin vẽ năm 1825, minh họa cho cuốn "Thiên đường đã mất".

Câu hỏi của Chúa – Phần 2/2:

Ý ĐỒ XẢO QUYẾT TRONG CÂU HỎI CỦA SATAN

JAMES SALE

Trong bài viết trước, chúng ta đã biết việc Đức Chúa Trời đặt câu hỏi trong Kinh Thánh không có nghĩa rằng Ngài không toàn trí. Ngược lại, thông qua những câu hỏi đó, Ngài tiết lộ cho người trong cuộc hiểu được bản chất của màn kịch, hay nói cách khác là *tính chân thực*. Điều này có ý nghĩa trong việc phơi bày những tư tưởng và cảm xúc sai lầm đang thao túng con người.

Và điều thứ vị là, trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời không phải là người đầu tiên đặt câu hỏi, mà lại là con rắn trong câu chuyện quen thuộc về Adam và Eva. Sử gia người Anh Richard Cavendish đã mô tả con rắn này "là một trong những huyền thoại quan trọng của nền văn minh Âu Châu". Ông nói rằng nó đã "thấp sáng cho toàn bộ hệ thống phản ứng và sự kết nối trong tâm trí chúng ta."

Vậy con rắn là ai và câu hỏi đó là gì? Tại sao nó lại quan trọng, hay theo cách nói của Cavendish, nó đã khai

sáng điều gì trong tâm trí?

Con rắn mê hoặc Adam và Eva chính là hóa thân của Satan, kẻ xem Chúa và loài người là kẻ thù không đội trời chung. Hãy suy ngẫm về câu hỏi của nó. Có nhiều tranh cãi gay gắt cho rằng câu hỏi của Satan trong Sáng Thế Ký là hướng đến Eva chứ không phải Adam, và điều đó hàm ý rằng phụ nữ là phái yếu đuối hơn.

Tất nhiên, John Milton đã đưa câu chuyện này vào thiên sử thi "Thiên Đường Đã Mất" (Paradise Lost) của ông. Nhưng tôi nghĩ, trên thực tế, chẳng giới tính nào là yếu đuối cả. Cả hai đều phạm tội nghiêm trọng bởi vì họ đều háo hức thực hiện lời làm bất chấp lệnh cấm, và Adam cũng có vẻ như phạm tội không chút đắn đo.

Câu hỏi gài bẫy của Satan

Câu hỏi của Satan rất đơn giản: "Có phải Đức Chúa Trời đã nói rằng, 'Con không được ăn bất cứ cây nào trong vườn?' " Trong câu hỏi này có hai điều cần lưu ý. Thứ nhất, giọng điệu của câu hỏi như có một sự trách móc đối với

Chúa, như thể một người nào đó đã tuỷ



Có thể Eva là người hái quả táo từ cây biết Thiên - Ác, nhưng Adam dường như không hề phân đôi việc ăn trái cấm. Tranh của Theodor de Bry (1528-1598) và Jodocus van Winghe (1544-1603).

tiện ngăn cấm một số điều tốt đẹp mà người khác (Eva) được quyền hưởng. Điều thứ hai có lẽ còn mạnh mẽ hơn. Việc trích dẫn lời của Chúa và cố tình làm sai lệch một chút để người khác không dễ dàng nhận thấy. Nó như mời gọi người trả lời là Eva tiến vào một loại trạng thái mà tất cả chúng ta từng trải qua: háo hức muốn sửa sai ai đó, và khi làm như vậy, chúng ta cảm thấy như thể mình vượt trội hơn người khác vì biết nhiều hơn họ.

Chúa thực sự đã nói gì với Adam? Không phải là "Con không được ăn bất kỳ cây nào trong vườn" mà ngược lại: "Con có thể tự do ăn bất kỳ cây nào trong vườn; nhưng với cây biết Thiên - Ác thì các con không được ăn." Kết cục của việc ăn trái cấm là cái chết.

Có sự khác biệt trong bản chất của hai việc này: "không ăn bất kỳ thứ gì" so với việc "có thể tự do ăn" nhưng với một điều cấm cụ thể. Tất nhiên, bằng cách trích dẫn sai câu nói của Chúa, Satan cũng né tránh được việc nhắc nhở Eva về điều cấm thật sự là gì. Và trong sự háo hức muốn sửa sai Satan, Eva dường như cũng không nhớ chính xác lời dặn dò của Chúa. Lời nói của Chúa trong suy nghĩ của Eva trở thành "không chạm vào" chứ không phải là "không được ăn" (phóng đại sự cảm đoán) và "e rằng sẽ chết". Eva cho rằng hình phạt là con tỳu điều kiện, hay nói cách khác là cô đang giảm thiểu hình phạt.

Đối với tất cả sự việc này, dùng phương pháp phân tích ngôn ngữ một cách tinh tế, có vẻ rõ ràng là Eva muốn ăn trái cây - nhưng như Adam, người không có một chút đắn đo khi tham gia cùng cô - bởi vì Eva muốn được thọ mãi ("ăn ngon"); cô ấy khao khát được chiêm ngưỡng ("mãn nhãn"), và cô

nhạc vĩ đại Johannes Brahms đã làm.

Có lẽ cái tên Johannes Brahms rất quen thuộc với chúng ta.

Ông Brahms là một trong những nhà soạn nhạc nổi tiếng nhất trong thời kỳ Lãng mạn (cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19). Ông là một trong ba

Vĩ gia đình gặp khó khăn về tài

tiện ngăn cấm một số điều tốt đẹp mà người khác (Eva) được quyền hưởng.

Điều thứ hai có lẽ còn mạnh mẽ hơn. Việc trích dẫn lời của Chúa và cố tình làm sai lệch một chút để người khác không dễ dàng nhận thấy. Nó như mời gọi người trả lời là Eva tiến vào một loại trạng thái mà tất cả chúng ta từng trải qua: háo hức muốn sửa sai ai đó, và khi làm như vậy, chúng ta cảm thấy như thể mình vượt trội hơn người khác vì biết nhiều hơn họ.

Chúa thực sự đã nói gì với Adam? Không phải là "Con không được ăn bất kỳ cây nào trong vườn" mà ngược lại: "Con có thể tự do ăn bất kỳ cây nào trong vườn; nhưng với cây biết Thiên - Ác thì các con không được ăn." Kết cục của việc ăn trái cấm là cái chết.

Có sự khác biệt trong bản chất của hai việc này: "không ăn bất kỳ thứ gì" so với việc "có thể tự do ăn" nhưng với một điều cấm cụ thể. Tất nhiên, bằng cách trích dẫn sai câu nói của Chúa, Satan cũng né tránh được việc nhắc nhở Eva về điều cấm thật sự là gì. Và trong sự háo hức muốn sửa sai Satan, Eva dường như cũng không nhớ chính xác lời dặn dò của Chúa. Lời nói của Chúa trong suy nghĩ của Eva trở thành "không chạm vào" chứ không phải là "không được ăn" (phóng đại sự cảm đoán) và "e rằng sẽ chết". Eva cho rằng hình phạt là con tỳu điều kiện, hay nói cách khác là cô đang giảm thiểu hình phạt.

Đối với tất cả sự việc này, dùng phương pháp phân tích ngôn ngữ một cách tinh tế, có vẻ rõ ràng là Eva muốn ăn trái cây - những như Adam, người không có một chút đắn đo khi tham gia cùng cô - bởi vì Eva muốn được thọ mãi ("ăn ngon"); cô ấy khao khát được chiêm ngưỡng ("mãn nhãn"), và cô

chính, ông Brahms đã chơi piano tại

các nhà hàng và dạy nhạc để kiếm thêm thu nhập. Nhiều năm sau, tài năng của ông mới được công nhận. Lúc đó, cuộc sống của ông bắt đầu dư dả.

Thành công đem đến cho ông sự giàu có, và ông Brahms sớm thấy mình có nhiều tiền để nuôi gia đình. Tuy nhiên, cha Johann Jakob của ông là một người rất tự trọng và kiêu hãnh; ông không muốn nhận bất kỳ khoản viện trợ nào từ con trai.

Điều đó không ngăn cản Brahms gửi tiền cho cha mẹ để chi tiêu; ông luôn hy vọng cha sẽ dùng nó.

Vào tháng 08/1864, ông viết: "Xin đừng tiết kiệm tiền con đã đưa cho cha; con không cần chúng cho tới sang năm."

Năm sau, mẹ ông qua đời vào ngày 31/01; sự kiện này trở thành yếu tố khiến ông Brahms hoàn thành một trong những kiệt tác vĩ đại nhất của mình, Ein Deutsches Requiem - một sáng tác về "tình yêu, sự mất mát và niềm an ủi".

ấy mong muốn thông thái như Đức Chúa Trời ("làm cho một người trở nên thông thái"). Những ham muốn đối với thức ăn, thỏa mãn dục vọng cá nhân, và tính tự phụ hay kiêu ngạo của Eva đã khiến cô nghe theo lời của Satan.

Và như Đức Hóng Y John Henry Newman đã nói trong cuốn "Biện Hộ cho Sự Sống" (Apologia Pro Vita Sua) rằng: "Và vì vậy tôi tranh luận về thế giới này rằng: nếu trên đời có Chúa, vì có Chúa, loài người bị vướng vào một số tai họa khủng khiếp. Điều đó đi ngược lại với mục đích của Đấng Tạo Hóa."

Đã có một số "tai họa khủng khiếp của loài người" và tai họa này vẫn đang tồn tại, đe dọa chúng ta cho đến ngày nay. Tất cả các tôn giáo đều chứng thực việc này - và họ cũng không tôn tại nếu thiếu nó - tất cả các tôn giáo đều tìm cách giải quyết những đau khổ và mục đích của loài người, họ cố gắng khác phục thông qua việc thờ phụng và sùng kính. Cơ Đốc Giáo có một từ đặc biệt dành cho "tai họa khủng khiếp của loài người"; nó được gọi là Sự Sa Ngã (The Fall).

Sự tồn tại mạnh mẽ của Satan

Ngày nay Satan còn tồn tại không? Câu trả lời là có! Satan vẫn còn tồn tại và lớn mạnh; những tình tiết trong câu chuyện này, sự thật này, đang nói với chúng ta chính xác cách mà Satan gây ảnh hưởng (Satan giới thuyết phục, các trò xảo quyết giúp hấn mê hoặc được rất nhiều thiên thần khác làm tay sai cho hấn). Vậy nên, điều quan trọng là phải chú ý đến tất cả những sự thật xuất hiện trong thần thoại, đặc biệt là những điều viết trong những cuốn sách Thiêng, vì những sự thật này chính là hàm ý sâu xa của các tầng chân lý.

Vậy thì, điều này giúp gì trong việc hiểu về Satan và cách thức hoạt động của hấn trong thời đại ngày nay? Nếu nhìn vào mô thức của hấn trong câu chuyện với Eva, chúng ta thấy rằng Ác quỷ có ba bước mang tính chất quyết định.

Ba bước của Ác quỷ:

1. Làm bạn với nạn nhân và đặt bản thân vào vai trò như đang tìm quyền lợi cho nạn nhân. Chúng ta hãy nhớ lại việc Satan đã xuất hiện và giúp Eva trưởng thành như một con người: Cô sẽ hiểu biết hơn nhờ hành động mà hấn ủng hộ. Hơn nữa, tất nhiên, trong khi làm việc này hấn khích lệ Eva nghĩ rằng cô ấy là người hiểu rõ nhất (tìm hiểu thêm điều này ở bước 3). Và khi giả làm bạn của Eva, hấn tỏ ra rất có đạo đức.
2. Trích dẫn sai hoặc bóp méo sự thật của tình huống để gây ra sự nhầm lẫn tệ hại, thêm vào đó là gợi mở một lối thoát dễ dàng. Điều này được thực hiện bằng cách giúp Eva có cảm giác hiểu biết nhiều hơn và tốt hơn, thông qua các cách diễn giải khác nhau về sự việc hay dữ kiện - những cách diễn giải phù hợp với mong muốn của Eva (và của chúng ta).
3. Khởi gợi, cổ vũ cảm giác vượt trội về mặt đạo đức ở nạn nhân, để



Satan nguy hiểm cho nạn nhân, sau đó xuyên tạc sự thật làm mê hoặc và rời khác sâu trong họ cảm giác về sự vượt trội về mặt đạo đức. "Adam, Eva với Trái cấm và Con rắn" (Adam and Eve With Apple and Serpent) tranh của Marcantonio Raimondi và Albrecht Dürer. Bảo tàng nghệ thuật Metropolitan.



Câu hỏi của con rắn dẫn đến Sự Sa Ngã, đánh dấu việc rời xa Thiên đấng tiền của con người. Một phần trong bức tranh "Adam và Eva Bị Trục Xuất khỏi Thiên Đàng" (The Expulsion of Adam and Eve From Paradise) của Gustave Doré vẽ năm 1866, trong bộ tranh khắc gỗ nổi tiếng Thánh Kinh Diệu Kỳ (La Grande Bible de Tours).

dùng cho phép Eva (và chúng ta) cảm thấy vượt trội về tài năng và đức hạnh; lợi dụng sự că tin của cô ấy ngay cả khi cô mới bắt đầu nghĩ về việc mình thật sự tốt như thế nào.

Bước thứ tư có thể bảo đảm là khi nạn nhân rơi vào thảm họa, hấn sẽ biến mất chứ không phải có mặt ở đó để dùng khác phục hậu quả.

Cách thức hoạt động của Satan thời hiện đại

Có thể thấy tất cả các phương pháp luận này có trong các hệ tư tưởng "thức tỉnh" tràn ngập quanh chúng

ta ngày nay. Nó lường gạt và thu hút chúng ta với mục đích có vẻ thân thiện (bước 1), (bước 2) xuyên tạc sự thật, và (bước 3) khác họa những cảm giác vượt trội về mặt đạo đức.

Robert Oulds và Niall McCrae viết trong cuốn sách nổi tiếng "Đạo Đức - Con Virus Văn Hóa" (Moralitis: A Cultural Virus) đã đưa ra một cái nhìn tổng quát về vấn đề này liên quan đến Vương quốc Anh (tất nhiên không đề cập đến mối liên hệ với Satan mà tôi đang nói). Họ viết: "Nhiệm vụ của các đảng cánh tả hiện nay không còn là nhiệm vụ của xã hội chủ nghĩa nữa. Họ tuyên bố đấu tranh cho sự bình đẳng, nhưng

thực sự đây là một chiến dịch vụ lợi phá hoại xã hội truyền thống." Do đó, hãy lưu ý rằng "đấu tranh cho sự bình đẳng" (bước 1) nghe có vẻ thân thiện. Đó là giúp đỡ người khác, những người ở tầng lớp dưới, để họ có thể được "bình đẳng".

Nhưng sau đó, ông Oulds đưa ra một số dữ kiện thực tế để vạch trần sự lừa dối của chủ nghĩa thức tỉnh (bước 2). Ở Anh, "Chủ nghĩa nữ quyền hiện nay rất quan tâm đến sự sai biệt lương theo giới tính khi nhìn vào công việc dân chúng trình ở BBC được trả lương bình quân cao hơn nhân viên tạp vụ... Đảng Bình Đẳng Phụ Nữ trung lưu ở Anh được thành lập vào thời điểm các em gái vượt trội hơn các em trai trong lĩnh vực giáo dục, và phụ nữ trẻ có thu nhập cao hơn nam giới ở cùng độ tuổi. Khái niệm về "đặc quyền nam giới" cũng mâu thuẫn với độ sai biệt trong những người vô gia cư [nam vô gia cư nhiều hơn nữ], những nạn nhân của bạo lực, tù tội, tự tử, và về quyền nuôi con. Và khái niệm "đặc quyền người da trắng" là phi lý đối với các tầng lớp xã hội thấp hơn 'bị bỏ lại phía sau'".

Cuối cùng, bước 3 của nghị trình về vấn đề "thức tỉnh"; đó là ý thức về sự ưu việt về mặt đạo đức. Ông Oulds nhận xét rằng "giai cấp công nhân không quan tâm đến bản sắc chính trị và các quan niệm nguy hiểm về 'đặc quyền của người da trắng' hay 'nam tính độc hại' và chín mươi chín giới tính". Ông tiếp tục đối chiếu cách giới tinh hoa thành thị và quốc tế đã tự cho mình siêu việt về mặt đạo đức so với tầng lớp dân chúng hàng ngày chỉ chăm chỉ lao động. Những người dân này cảm thấy khó hiểu, chứ chưa nói đến việc chấp nhận, tại sao chỉ có người da trắng mới được đặc quyền, tại sao chỉ có đàn ông là độc hại, và tại sao chúng ta cần tôn vinh chín mươi chín giới tính. Những người dân bình thường luôn có những mối bận tâm khác quan trọng hơn.

Nếu chúng ta nhớ lại cuộc thảo luận về các câu hỏi của Đức Chúa Trời trong *Phần 1* của bài viết này, chúng ta sẽ thấy có một sự khác biệt to lớn giữa mục đích của Đức Chúa Trời và của Satan: Chúa sáng tạo, dạy dỗ và tôi luyện con người; còn mục đích của Satan dựa trên cơ sở xuyên tạc, bóp méo sự thật và dối lừa để cám dỗ và hủy hoại con người.

Những câu chuyện cổ - như tôi vẫn thường viết trên những chuyên mục này - là những câu chuyện chân thực thâm thúy nhất. Và nếu tất cả chúng ta bắt đầu chú ý hơn tới cách thức hoạt động của Satan, chúng ta sẽ chủ động hơn để loại bỏ hấn ra khỏi khu vườn tâm trí.

Tác giả James Sale đã xuất bản hơn 50 cuốn sách, cuốn gần đây nhất là "Mapping Motivation for Top Performing Teams" (Routledge, 2021). Ông giành giải nhất trong cuộc thi thường niên The Society of Classical Poets 2017 và được trình diễn ở New York vào năm 2019.

Thuần Thanh biên dịch

CÂU CHUYỆN ÂM NHẠC

Nhà soạn nhạc nổi tiếng giấu tiền trong bản nhạc để giúp đỡ người cha nghèo



EPOCH TIMES STAFF

Cha mẹ không đòi hỏi bất kỳ sự đền đáp công ơn dường dục nào - ùnh yêu của họ là vô điều kiện. Vì vậy, nếu cha mẹ từ chối khoản tiền giúp đỡ từ bạn, bạn có thể tham khảo cách mà nhà soạn

nhạc vĩ đại Johannes Brahms đã làm. Có lẽ cái tên Johannes Brahms rất quen thuộc với chúng ta.

Ông Brahms là một trong những nhà soạn nhạc nổi tiếng nhất trong thời kỳ Lãng mạn (cuối thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 19). Ông là một trong ba

Vĩ gia đình gặp khó khăn về tài

chính, ông Brahms đã chơi piano tại các nhà hàng và dạy nhạc để kiếm thêm thu nhập. Nhiều năm sau, tài năng của ông mới được công nhận. Lúc đó, cuộc sống của ông bắt đầu dư dả.

Thành công đem đến cho ông sự giàu có, và ông Brahms sớm thấy mình có nhiều tiền để nuôi gia đình. Tuy nhiên, cha Johann Jakob của ông là một người rất tự trọng và kiêu hãnh; ông không muốn nhận bất kỳ khoản viện trợ nào từ con trai.

Điều đó không ngăn cản Brahms gửi tiền cho cha mẹ để chi tiêu; ông luôn hy vọng cha sẽ dùng nó.

Vào tháng 08/1864, ông viết: "Xin đừng tiết kiệm tiền con đã đưa cho cha; con không cần chúng cho tới sang năm."

Năm sau, mẹ ông qua đời vào ngày 31/01; sự kiện này trở thành yếu tố khiến ông Brahms hoàn thành một trong những kiệt tác vĩ đại nhất của mình, Ein Deutsches Requiem - một sáng tác về "tình yêu, sự mất mát và niềm an ủi".

Vĩ gia đình gặp khó khăn về tài

chính, ông Brahms đã chơi piano tại các nhà hàng và dạy nhạc để kiếm thêm thu nhập. Nhiều năm sau, tài năng của ông mới được công nhận. Lúc đó, cuộc sống của ông bắt đầu dư dả.

Thành công đem đến cho ông sự giàu có, và ông Brahms sớm thấy mình có nhiều tiền để nuôi gia đình. Tuy nhiên, cha Johann Jakob của ông là một người rất tự trọng và kiêu hãnh; ông không muốn nhận bất kỳ khoản viện trợ nào từ con trai.

Điều đó không ngăn cản Brahms gửi tiền cho cha mẹ để chi tiêu; ông luôn hy vọng cha sẽ dùng nó.

Vào tháng 08/1864, ông viết: "Xin đừng tiết kiệm tiền con đã đưa cho cha; con không cần chúng cho tới sang năm."

Năm sau, mẹ ông qua đời vào ngày 31/01; sự kiện này trở thành yếu tố khiến ông Brahms hoàn thành một trong những kiệt tác vĩ đại nhất của mình, Ein Deutsches Requiem - một sáng tác về "tình yêu, sự mất mát và niềm an ủi".

Vĩ gia đình gặp khó khăn về tài



Không có gì sai trái nếu muốn đền đáp tình yêu và công ơn dưỡng của cha mẹ.

Mặc dù lúc bấy giờ ông Brahms đã khá giả về tài chính, ông vẫn sống thanh đạm và không bao giờ ngân ngại giúp đỡ bạn bè và gia đình, đương nhiên là ông duy trì việc gửi tiền cho cha Johann Jakob.

"Con sẽ biết mấy nếu cha đừng chúng cho những việc thật

thay đổi. Ông Brahms biết mình cần phải khéo léo hơn trong cách giúp đỡ cha mình.

Ông Brahms đã đưa cho cha bản nhạc Saul của George Frideric Handel và dặn ông hãy nghiên cứu nó nếu ông gặp rắc rối. Hóa ra, ông Brahms đã giấu tiền bên trong các bản nhạc. Dù vậy, việc cha ông có sự dụng nó hay không vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi.

Không có gì sai trái nếu muốn đền đáp tình yêu và công nuôi dưỡng của cha mẹ, chỉ là một số cha mẹ cảm thấy khó khăn khi nhận sự giúp đỡ từ con vì họ thường cho rằng họ mới là người chăm sóc con. Nếu đúng như vậy, bạn chỉ cần nhớ rằng ông Brahms không bao giờ ngừng nỗ lực để báo hiếu với cha, ngay cả khi cha ông không mong đợi điều đó.

Thuần Thanh biên dịch



Một người đang dùng điện thoại ghi lại tác phẩm ấn tượng từ bên dưới.

Tác phẩm nghệ thuật từ 15,000 ‘chim bồ câu hòa bình’ bằng giấy tại Nhà thờ Liverpool

SWNS

Một sự sắp đặt nghệ thuật tuyệt đẹp từ 15,000 con chim bồ câu giấy đã được treo lên tại Nhà thờ Liverpool.

Những tác phẩm nghệ thuật đẹp đẽ, phức tạp này được treo trên các dải ruy băng từ trần nhà của nhà thờ lớn. Mỗi một mảnh giấy chứa đựng một thông điệp về hòa bình, hy vọng và tình yêu, được viết bởi học sinh địa phương và các nhóm cộng đồng. Họ đã được mời đến nhà thờ trước khi bị phong tỏa.

Việc sắp đặt được thực hiện bởi nhà điêu khắc và nghệ sĩ nổi tiếng Peter Walker, một thành viên của Hiệp hội Nghệ thuật Hoàng gia, London.

Được dự kiến ra mắt vào mùa hè năm 2020 nhưng đã bị hoãn lại vì đại dịch, việc lắp đặt được thực hiện

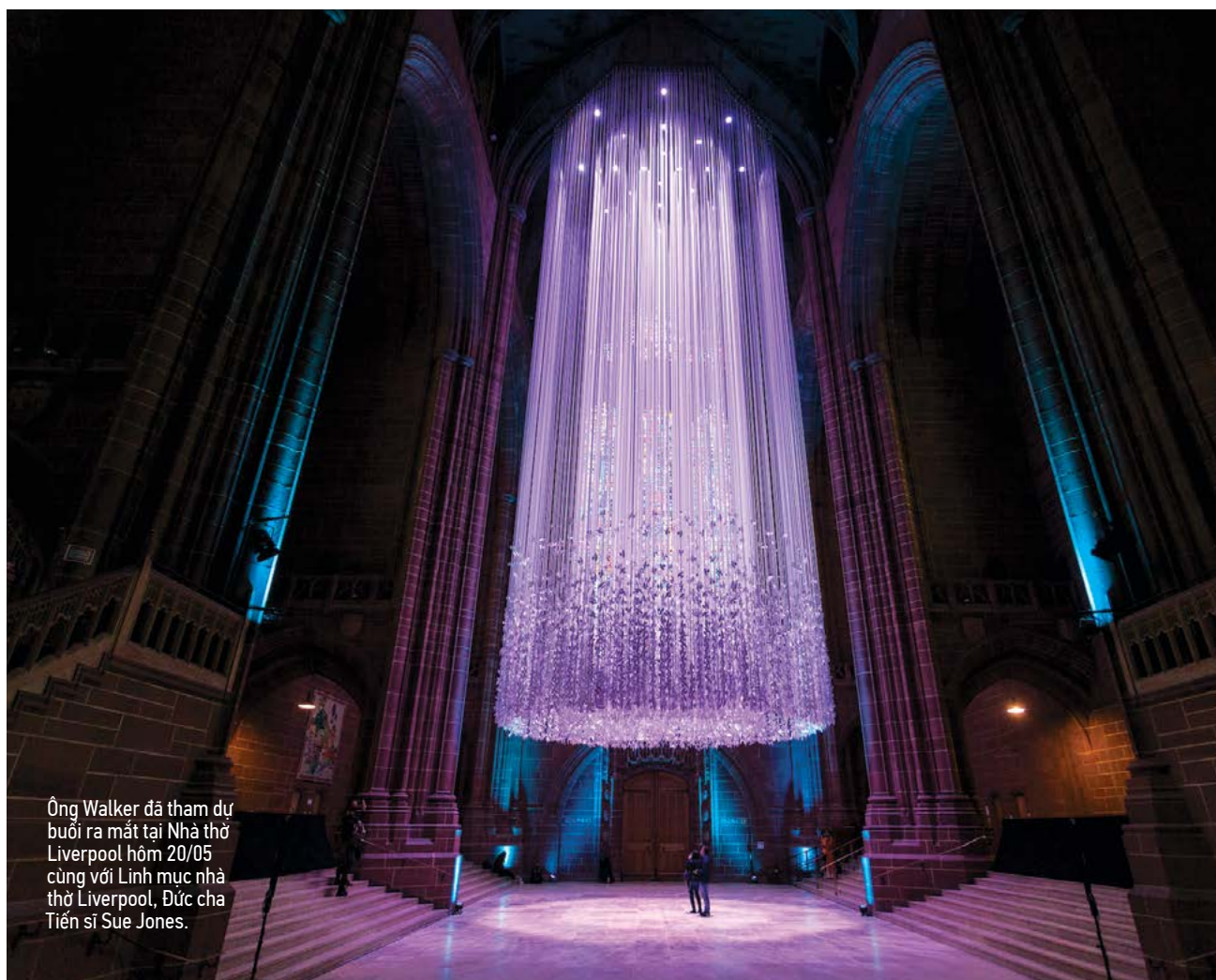
trong một khung cảnh âm thanh của nhà soạn nhạc David Harper.

Ông Jones cho biết: “Chúng tôi mong muốn được chào đón mọi người đến với Nhà thờ và chúng tôi hy vọng rằng quý vị sẽ thấy được sự bình yên và không gian để suy ngẫm về một năm qua. Chúng tôi cảm thấy vô cùng biết ơn khi có thể treo tác phẩm lắp đặt tuyệt vời này tại Nhà thờ Liverpool.”

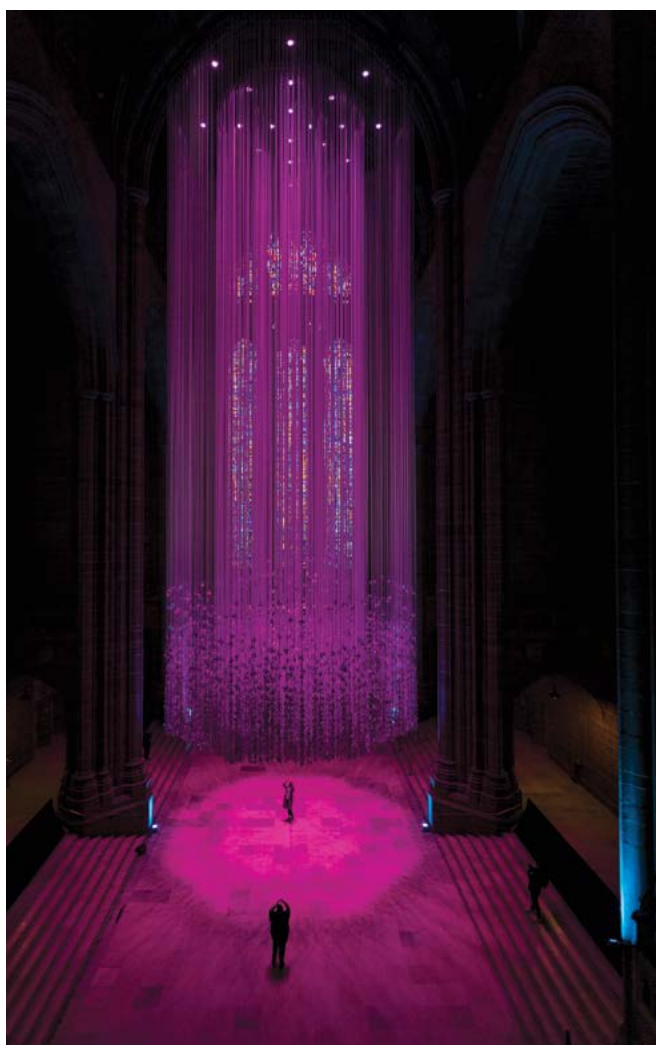
Ông Walker nói thêm: “Điều tôi luôn tìm thấy khi đến Liverpool và đến Nhà thờ là, đó thực sự là một nơi dành cho cộng đồng.”

“Tôi nghĩ rằng có một tác phẩm mà cộng đồng đã viết lên trên những chú chim bồ câu này và hàng ngàn trẻ em đã tham gia vào dự án là điều thực sự cần phải làm vào lúc này.”

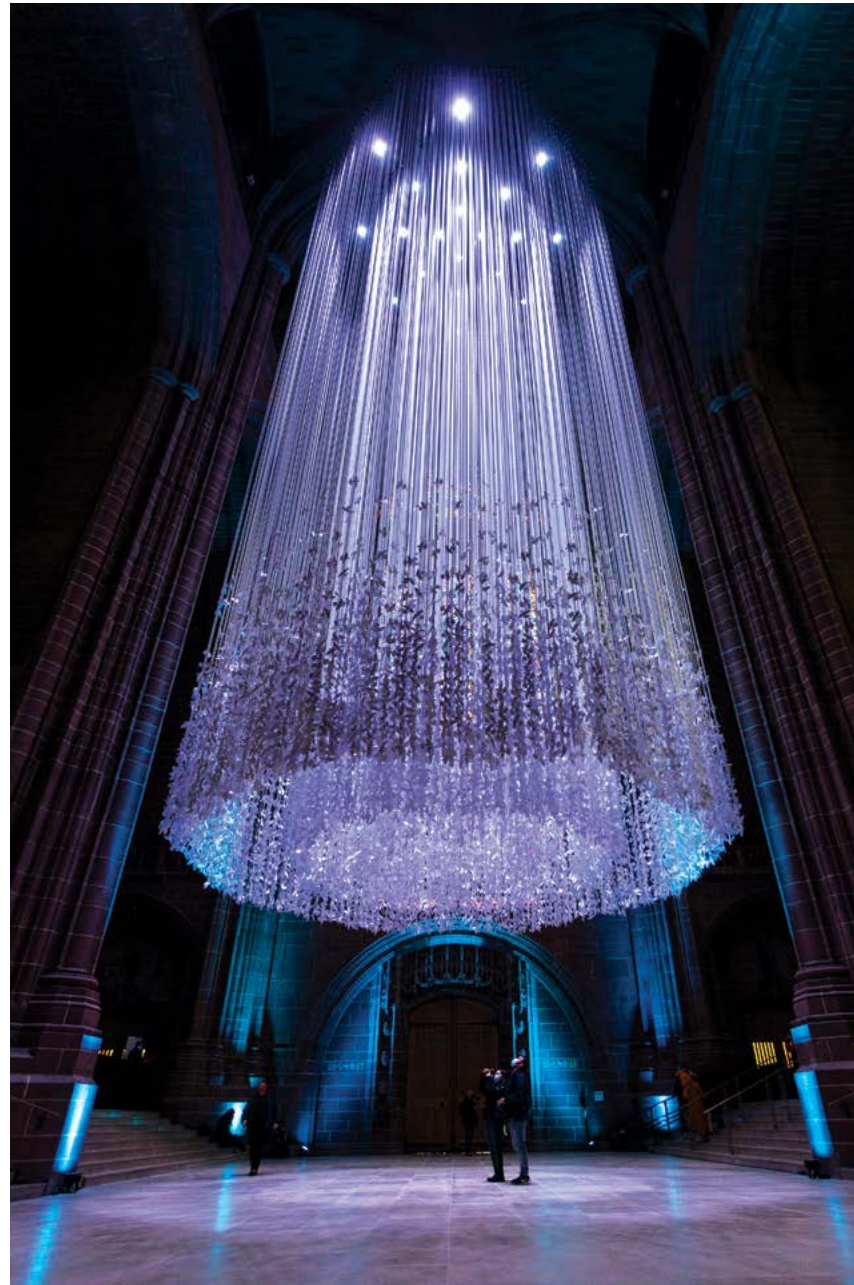
Yến Nhi biên dịch



Ông Walker đã tham dự buổi ra mắt tại Nhà thờ Liverpool hôm 20/05 cùng với Linh mục nhà thờ Liverpool, Đức cha Tiến sĩ Sue Jones.



ALL PHOTOS COURTESY OF SWNS



Mới mẻ nhưng quen thuộc: Bản giao hưởng số 9 của Beethoven

ROBERT HUGILL

Bản thu âm tác phẩm Symphony No. 9 (Bản giao hưởng số 9) của Beethoven do nhạc trưởng Benjamin Zander thực hiện là kết quả nghiên cứu cả đời của ông về âm nhạc Beethoven. Nhưng bất kỳ khi nào bạn dành thời gian cho nhạc trưởng Zander, bạn sẽ nhận thấy cách ông cảm thụ âm nhạc cũng như việc ông nghiên cứu âm nhạc không chỉ để truyền tải một cách hoàn hảo tác phẩm, mà còn để thấu hiểu thế giới thần thánh trong âm nhạc của Beethoven.

Tôi đã gặp gỡ ông Zander để nói chuyện về bản thu âm và những ý tưởng đằng sau, đặc biệt là cách ông diễn giải những ký tự về nhịp điệu của Beethoven.

Tôi đã gặp gỡ ông Zander để nói chuyện về bản thu âm và những ý tưởng đằng sau, đặc biệt là cách ông diễn giải những ký tự về nhịp điệu của Beethoven. Liệu thế giới có cần thêm một bản thu âm Symphony No. 9 của Beethoven khác hay không? Ông Zanders quả quyết rằng đó là điều cần thiết. Ông đã làm việc hơn 40 năm với các bản giao hưởng và thực hiện nhiều buổi biểu diễn. Ông đam mê nghiên cứu các bản nhạc gốc của Beethoven và thấy rằng bản ghi âm được thực hiện mới nhất này là bản ghi âm mỹ mãn nhất.

Tác phẩm được ghi âm với sự trình diễn của Dàn nhạc Giao hưởng và Hợp xướng Philharmonia (The Philharmonia Orchestra, the Philharmonia Chorus), có sự góp mặt của các nghệ sĩ solo như Rebecca Evans, Patricia Bardon, Robert Murray, và Derek Welton.

Lịch sử của bản thu âm

Một trong những trọng tâm của bản thu âm mới là thể hiện những điểm nhấn trong nhịp điệu của Beethoven. Từ khi còn nhỏ, ông Zander đã bị cuốn hút bởi nhịp điệu trong các bản giao hưởng của Beethoven.

Trở lại năm 1967, ông Zander thực hiện buổi biểu diễn đầu tiên của mình với bản Symphony No. 5 của Beethoven tại Boston; buổi diễn đã gây ấn tượng do cách tiếp cận của ông đối với tiết tấu (tempo) và âm nhạc. Chưa ai từng nghe nhạc của Beethoven theo cách này, và mọi người đã xôn xao về buổi biểu diễn. Đây là thời kỳ đầu tiên trong lịch sử mà mọi người tiếp cận được với nhạc Beethoven theo cách này. Vì vậy, theo một nghĩa nào đó, ông Zander đã dành cả đời làm người tiên phong và ông tự hào về điều đó.

Ông Zander đã đưa Bản giao hưởng số 9 và Dàn nhạc Giao hưởng Boston đến biểu diễn ở Carnegie Hall vào năm 1992, nhà phê bình Andrew Porter đã viết một bài đánh

giá dài về buổi biểu diễn; ông thảo luận về Beethoven và nhịp điệu như sau, “Nếu ông Zander đứng, vậy thì trước đó chúng ta đã nghe tác phẩm của nhà soạn nhạc vĩ đại nhất trong sự diễn giải sai lệch.”

Ông Zander đã đem ý tưởng này đến BBC, và họ cũng chú ý đến các lý thuyết của ông về tiết tấu trong âm nhạc của Beethoven nhưng nhấn mạnh rằng nó phải được thể hiện qua các nhạc cụ phiên bản cổ (period instruments). Và rồi, buổi biểu diễn của BBC đã được tổ chức cùng với nhạc cụ phiên bản cổ dưới sự chỉ huy của nhạc trưởng Roger Norrington.

Ông Zander đã rất giận vào thời điểm đó nhưng giờ ông cảm thấy rất biết ơn, bởi ông cảm nhận rằng phải mất thêm 30 năm nữa mới có thể ngấm thứ âm nhạc đó vào trong tâm khảm. Giờ đây, khi ông cầm bản tổng phổ trên tay, ông đã lập tức nghe thấy tiết tấu âm nhạc của Beethoven; tất nhiên âm nhạc không phải chỉ dừng lại ở tiết tấu mà âm nhạc phải có ở trong từng tế bào con người của bạn.

Nếu ông Zander đứng, vậy thì trước đó chúng ta đã nghe tác phẩm của nhà soạn nhạc vĩ đại nhất trong sự diễn giải sai lệch.

Beethoven và chiếc máy đánh nhịp

Beethoven rất thích phát minh mới về máy đánh nhịp, nó giúp ông soạn nhịp điệu chi tiết hơn. Các ký hiệu nhịp bằng tiếng Ý rất phức tạp vì ông đã cho thấy sự cố gắng nắm bắt các biến hóa tinh tế của tiết tấu.

Nhưng chiếc máy đếm nhịp mà Beethoven sử dụng có nhiều hạn chế: Tốc độ chỉ đi xuống đến 50. Và các ký hiệu nhịp của Beethoven trong bản nhạc không phải là không có lỗi. Vì vậy, ông Zander nghiên cứu cuốn sách trò chuyện với Beethoven, ghi lại đàm luận giữa nhà soạn nhạc và cháu trai Karl để xác minh ý định chính xác của ông.

Nhiều ký hiệu về nhịp trong bản nhạc của Beethoven là rất rõ ràng nhưng có một số lại gây tranh cãi. Chương cuối của tác phẩm ‘March’ là một ví dụ. Lúc đầu người ta cho rằng tiết tấu là chậm, nhưng khi tra xét lại trong cuốn sách luận đàm, ông Zander nhận ra rằng tiết tấu mà Beethoven muốn truyền đạt là nhanh hơn nhiều.

Với tiết tấu mới của chương cuối của ‘March’, toàn bộ dàn nhạc cùng hòa vào nhau và phải chơi ở tốc độ nhanh “vũ bão”. Khi ghi âm, họ chỉ đứng nhịp được một lần – “vòng cùng căng thẳng,” ông Zander nhớ lại. Nghệ sĩ chính của dàn nhạc Stephanie Gonley đã gợi ý rằng nghệ sĩ đàn dây nên kéo cây vĩ thật nhanh trên dây - kéo chậm vốn là lối chơi dễ dàng hơn trong biểu diễn cổ điển - và nhờ đó việc tăng nhịp trở nên khá thì.



Chân dung nhà soạn nhạc Ludwig van Beethoven, vẽ bởi họa sĩ Joseph Karl Stieler, 1820.

Một trong những vấn đề gây tranh cãi là phần trio Scherzo, một người lần đầu thường thức buổi biểu diễn sẽ cảm thấy hứng khởi một cách khác thường – không giống lối chơi truyền thống với tốc độ chậm hơn. Và ông Zander đã cho thấy việc lặp lại cùng vũ điệu khoảng 27 lần ở nhịp độ nhanh hơn tạo hiệu ứng cảm xúc tích cực hơn.

Một trong những điểm chính khác mà ông Zander nhắc đến là các dàn nhạc hiếm khi chơi chính xác cường độ của Beethoven. Trong nhiều nghiên cứu của chúng tôi, ông chỉ ra những chỗ trên bản nhạc ghi pianissimo (âm lượng rất nhỏ) đã bị bỏ qua và chỗ ghi fortens (tăng dần cường độ) lại được chơi fortissimo (cực to).

Ông Zander yêu cầu các nghệ sĩ đọc tấu và các thành viên hợp xướng thể hiện cảm xúc của ca từ thay vì chỉ hát lớn giọng, bởi vì có khá nhiều đầu piano (cường độ nhỏ) trong bản nhạc. Một số chi tiết này rất dễ nhầm lẫn: Bản hòa tấu cuối cùng “vor Gott” là fortissimo với một diminuendo (âm lượng giảm dần) vì đoạn sau là piano (nhỏ), và sau đó trong đoạn tiếp theo, tiếng của piccolo được cho là pianissimo. Để làm đúng được như vậy, ông đã cần tới ba buổi tập.

Một cái nhìn rộng lớn hơn

Ông Zander tự gọi mình là một giáo viên. Bản thu âm ‘Bản giao hưởng số 9’ của Beethoven gồm hai đĩa giới thiệu, ông Zander đã giải thích cách ông tìm hiểu và đi đến kết luận về tiết tấu và những vấn đề khác trong âm nhạc của Beethoven. Ông muốn hướng đến một điều gì đó cao hơn là học thuật thuần túy. Ông hy vọng rằng công chúng sẽ lắng nghe những điều ông truyền tải để hiểu sâu sắc hơn về âm nhạc; cũng như hướng

dẫn được mọi người cách nghe nhạc.

Với ý nghĩ đó, ông Zander diễn giải về tổng phổ [bản nhạc] theo cách đơn giản. Có một đoạn viola chơi trong chương cuối cùng nhưng chưa từng được nghe thấy; ông Zander cho rằng sự tính toán sai lầm này là do Beethoven bị mất thính giác. Để bù đắp vào việc đó, ông đã sử dụng gập đôi viola cùng với các loại kèn, khiến cho bản nhạc lần đầu tiên trở nên trọn vẹn về kết cấu tổng thể, một điều khiến ông cảm thấy rất thỏa mãn. Và ông điều chỉnh bộ trống định âm timpani, bởi thời của Beethoven các trống định âm thiếu linh hoạt hơn hiện nay.

Ông Zander hoàn toàn hiểu rằng những quan điểm và cách diễn giải đơn giản là theo những dấu hiệu, mà là trong từng chi tiết của bản nhạc. Một trong những lời bình luận của ông Zander đã đúc kết tinh thần làm việc của ông là: Ông ấy không phải một vị thần; ông ấy là nhạc trưởng, “do đó đừng cầu tha với âm nhạc của Beethoven.”

Bài viết trên đã được chỉnh sửa, rút gọn so với phiên bản gốc đã được đăng trên Planet Hugill. Robert Hugill là một nhà soạn nhạc, giảng viên, nhà báo và blogger âm nhạc có tiếng. Ông giảng dạy và thuyết trình trước buổi hòa nhạc opera và nhạc cổ điển ở London. Với tư cách là một nhà soạn nhạc, đĩa “Quickening” của ông đã được phát hành bởi Navona Records vào năm 2017.

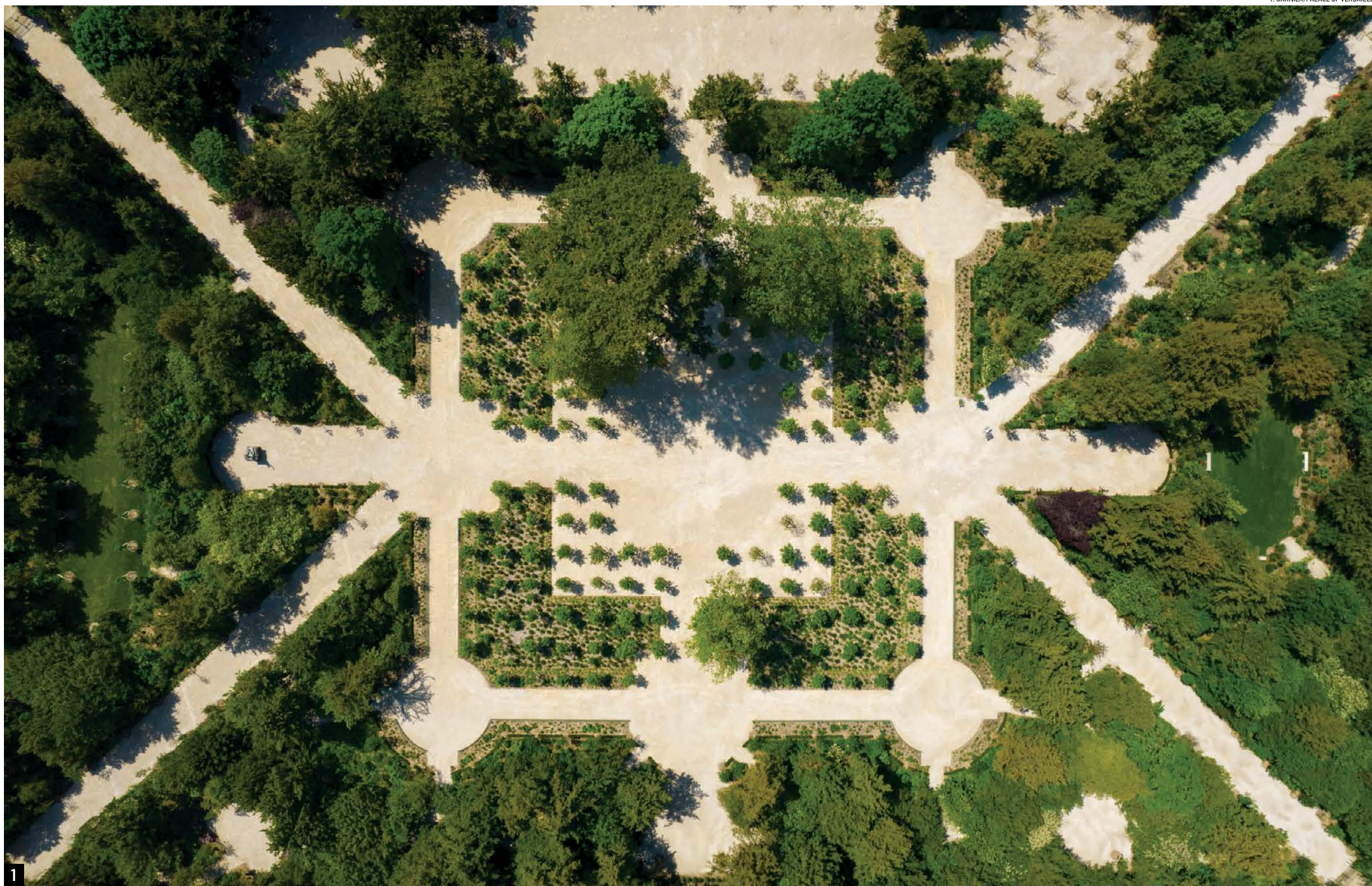
Thuần Thanh biên dịch



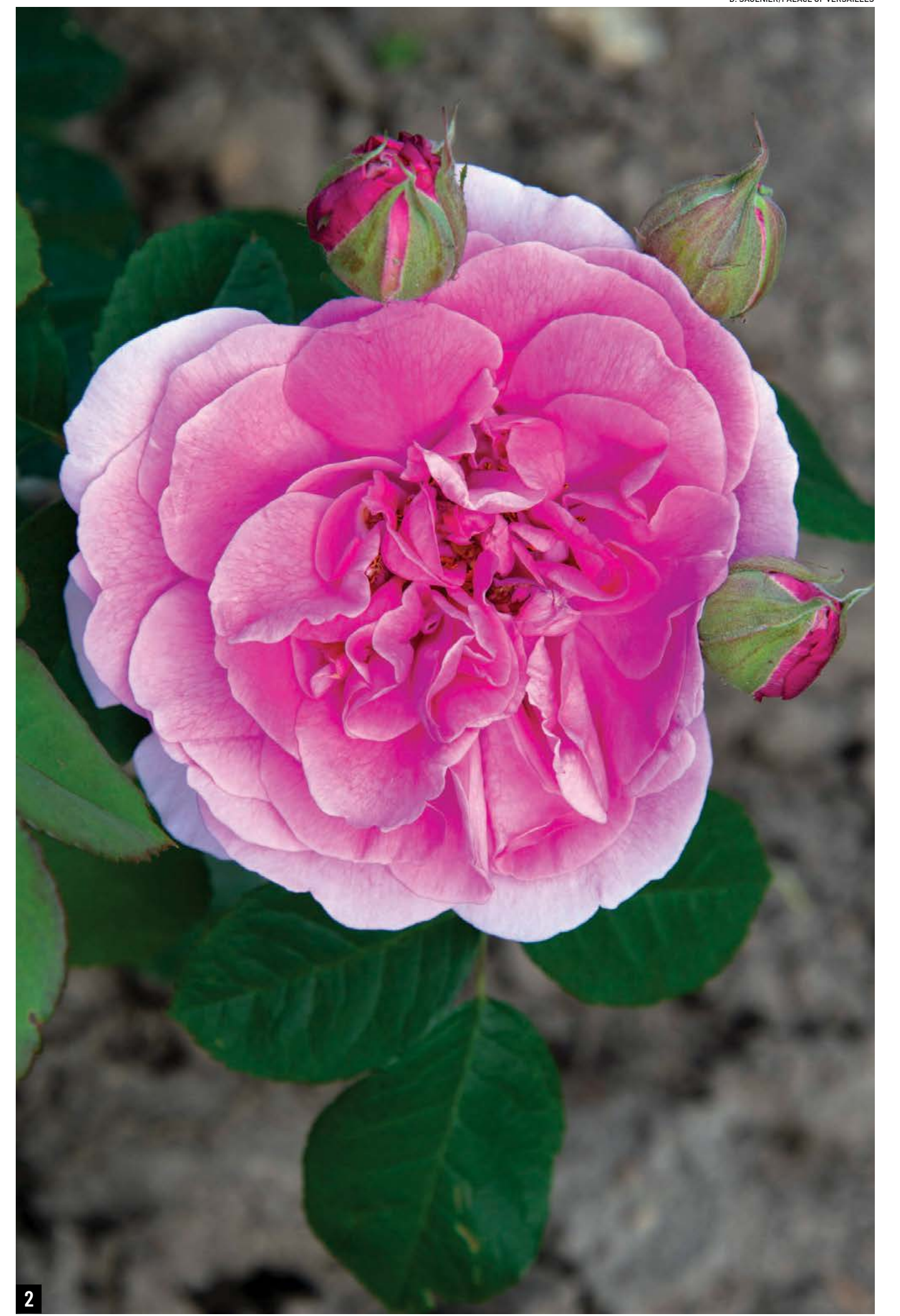
Nhạc trưởng Benjamin Zander.



Một trang bản thảo của Bản giao hưởng số 9 của Beethoven.



T. GARNIER/PALACE OF VERSAILLES



D. SAULNIER/PALACE OF VERSAILLES

Vườn hoa của Nữ hoàng Marie Antoinette lại nở rộ trong Cung điện Versailles

LORRAINE FERRIER

Cử vào một khoảng thời gian nhất định trong năm, những du khách Mỹ dạo quanh khuôn viên Cung điện Versailles, Pháp, có thể phát hiện ra mùi hương nồng nàn quen thuộc của cây Virginia tulip – loài hoa yêu thích của Nữ hoàng Marie Antoinette.

Có nguồn gốc từ miền đông và miền nam Hoa Kỳ, cây Virginia tulip (*Liriodendron tulipifera*) với những bông hoa hình ly màu xanh nhạt hoặc màu vàng tươi rực rỡ, cùng với các loài thực vật bản địa khác của Hoa Kỳ như cây chùm ngây trắng (*Chionanthus virginicus*), lần đầu tiên được giới thiệu đến Pháp vào thế kỷ 18.

Dự án trùng tu kéo dài hai năm, bao gồm các nghiên cứu kỹ lưỡng để đưa khu vườn trở về vẻ đẹp nguyên sơ vốn có như thời Nữ hoàng Marie Antoinette.

Cùng với hương thơm của hoa tulip, du khách được chào đón bởi mùi hương ngào ngạt của 600 bụi hoa hồng mới trồng. Những đóa hồng này nhằm bày tỏ lòng tôn kính đối với bộ sưu tập hoa hồng nổi tiếng thế giới của Nữ hoàng Marie Antoinette và tình yêu của bà đối với vẻ đẹp, hương thơm, và khả năng chữa bệnh của hoa.

Đọc theo những đường biên của khu vườn, du khách có thể nghỉ ngơi dưới những tán cây Judas (*Cercis siliquastrum*), cây sơn thù du (*Rhus typhina*), anh đào trắng (*Prunus virginiana*), và cây hoa anh đào Nhật Bản (*Prunus serrulata*).

Thiết kế tuyệt vời
Kiến trúc sư cảnh quan kiêm nhà làm vườn André Le Nôtre ban đầu đã xây dựng khu vườn Versailles nổi tiếng cho Vua Mặt Trời Louis XIV vào thế kỷ 17. Một phần trong thiết kế của Le Nôtre

là 15 khu vườn liên tiếp, được bao quanh bởi cây cối, hàng rào, và giàn leo. Chúng trông giống như những căn phòng cá nhân trang nhã được trang trí bởi bình hoa, tượng, và đài phun nước.

Khu vườn Labyrinth kỳ vĩ đã từng nằm ở vị trí hiện tại của Queen's Grove. Tác giả Charles Perrault đã đề xuất với Vua Louis XIV rằng 39 đài phun nước, mỗi đài phun nước biểu thị một câu chuyện ngụ ngôn Aesop, nên được đặt trong Labyrinth như một cách để dạy dỗ con trai ông, Dauphin. Dự án này không tiết kiệm được chút chi phí nào. Các nghệ sĩ đã tạo ra 39 đài phun nước, và các con vật trong truyện ngụ ngôn của Aesop phun nước ra từ miệng như thể chúng đang trò chuyện. Nhà thơ Isaac de Benserade đã viết chủ thích và đề thơ tứ tuyệt (quatrain) bên cạnh mỗi đài phun nước.

Người lớn và trẻ em đều ngạc nhiên trước sự sống động đầy mê hoặc này. Khu rừng này đã trở nên nổi tiếng đến mức Perrault xuất bản một cuốn cẩm nang có tên là "Labyrinthe de Versailles".

Khu vườn Queen's Grove

Gần một thế kỷ sau, khoảng giữa 1775 và 1776, Vua Louis XVI, hôn phu của nàng Marie Antoinette, đã phá hủy khu rừng Mê cung Labyrinth vì lý do chi phí bảo trì dự án. Khu rừng được cải tạo lại thành khu vườn Queen's Grove.

Vào thời của Nữ hoàng Marie Antoinette, Queen's Grove là một khu vườn trang trọng của Pháp với hàng loạt cánh cổng mang phong cách Anh và những con đường uốn khúc thịnh hành thời đó.

Trái ngược với không gian mở của Versailles (những khu vườn trang trọng với những thảm hoa được ngăn cách bởi những con đường rải sỏi), Queen's Grove đem lại cho nữ hoàng một không gian riêng tư. Đây là nơi bà có thể tránh xa những cặp mắt soi mói.



PUBLIC DOMAIN

Vua Louis XVI đã từng nói với Nữ hoàng Marie Antoinette rằng: "Dành tặng bó hoa này cho nàng, một người rất yêu hoa," khi ông tặng bà lâu đài Petit Trianon trong khu vườn Versailles. Những người chăm sóc Cung điện Versailles chắc chắn rằng tất cả những ai yêu hoa đều có thể thưởng thức bó hoa mang tên Queen's Grove trong nhiều năm tới.

Để tìm hiểu thêm về Queen's Grove mới được trùng tu tại Cung điện Versailles, hãy truy cập ChateauVersailles.fr.

Ngân Hà biên dịch

Một bức chân dung của Nữ hoàng Marie Antoinette. Đại Công tước Áo, Nữ hoàng Pháp và Navarre, do nhà điêu khắc Pierre Alexandre Tardieu thực hiện. Carnavalet-History of Paris Museum.



D. SAULNIER/PALACE OF VERSAILLES



T. GARNIER/PALACE OF VERSAILLES



D. SAULNIER/PALACE OF VERSAILLES



D. SAULNIER/PALACE OF VERSAILLES



D. SAULNIER/PALACE OF VERSAILLES

1. Queen's Grove mới được trùng tu trong Cung điện Versailles. Họ trồng lại nhiều loài thực vật không có nguồn gốc từ Pháp, bao gồm nhiều các loài hoa bản địa của Bắc Mỹ được du nhập vào Pháp trong thế kỷ 18.

2. Marie Antoinette là một nhà sưu tập hoa hồng nổi tiếng đầy đam mê. Giờ đây, 600 bụi hoa hồng mới đã được bổ sung cho Queen's Grove tại Cung điện Versailles.

3. Nằm ở trung tâm của Queen's Grove là cây Virginia tulip, được cho là loài hoa yêu thích của Nữ hoàng Marie Antoinette. Hiện tại, họ đã trồng thêm 150 cây, khiến Queen's Grove thêm phần thanh nhã.

4. Queen's Grove trong Cung điện Versailles mới được trùng tu.

5. 15 khu vườn mà kiến trúc sư cảnh quan ở thế kỷ 17 André Le Nôtre thiết kế là những không gian riêng tư được bao quanh bởi cây cối, hàng rào và giàn leo. Mỗi khu vườn có một chủ đề riêng biệt khiến du khách ngạc nhiên và thích thú.

6. Queen's Grove tại Cung điện Versailles được trùng tu với hơn 600 bụi hoa hồng, 650 cây lớn có hoa, 8.000 bụi cây có hoa, và 147 cây hoa tulip Virginia.

7. Cây hoa tuyết (fringe) là một trong những loài cây bản địa của Hoa Kỳ cũng có mặt tại Queen's Grove trong Cung điện Versailles.



PUBLIC DOMAIN

Nghệ sĩ vẽ tranh vật nổi tiếng người Bỉ Pierre-Joseph Redouté là có vấn cho Nữ hoàng Marie Antoinette về nghệ thuật. Rosa centifolia foliacea thường được gọi là Provence hoặc Hoa hồng bắp cải, năm 1824, do Pierre-Joseph Redouté vẽ. Từng chấm màu được tô thủ công.

Tính nhân văn cách mạng của bản Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ

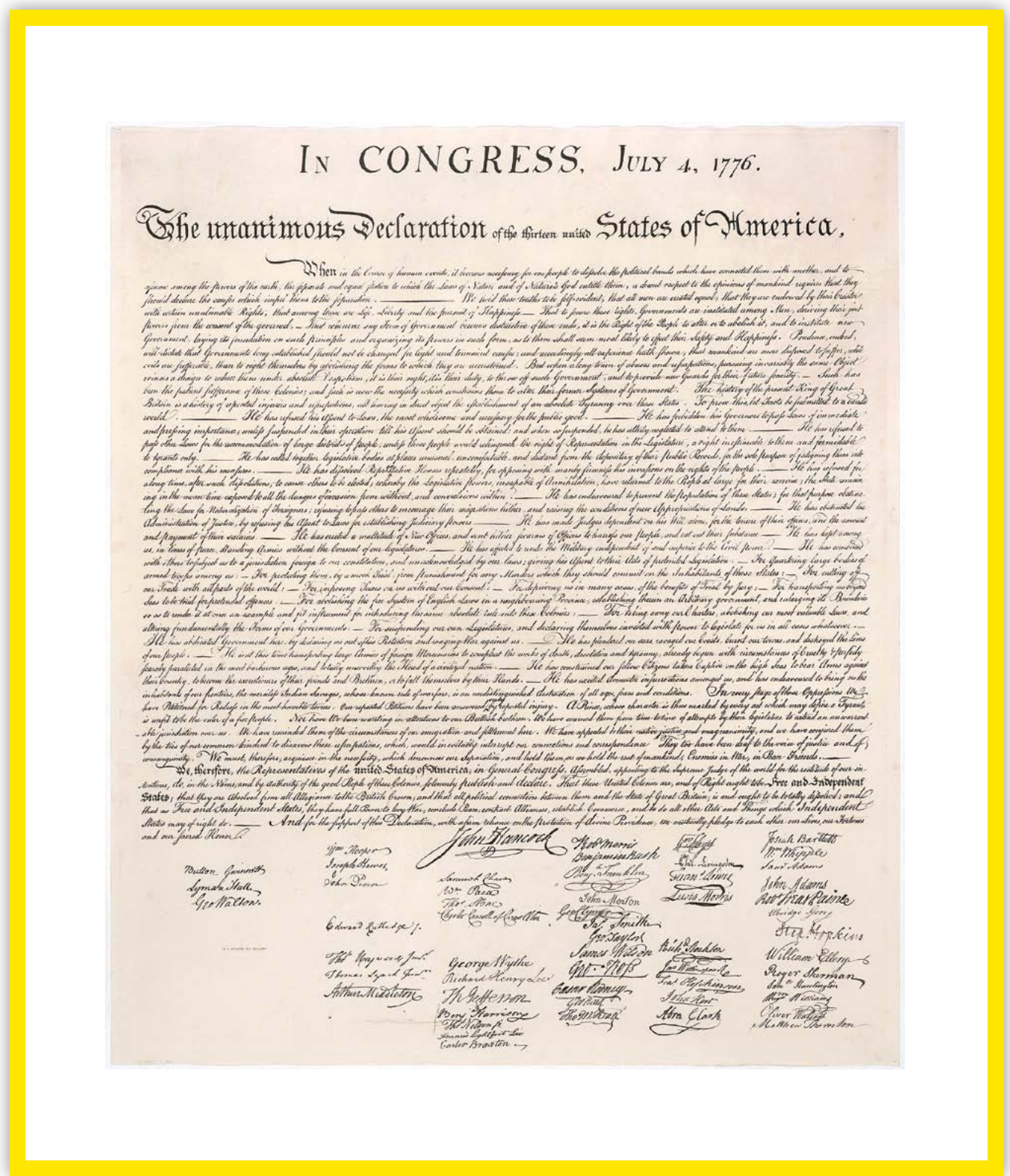
Tiếp theo từ trang 1

Giá trị nội tại của con người

Cụm từ theo sau trong cùng câu đầu tiên đó là “tất cả mọi người được tạo ra bình đẳng.” Một lần nữa, vào thế kỷ 18, một ý tưởng như vậy chưa từng được nghe đến và mang tính cách mạng. Khi tuyên bố như vậy, các Nhà sáng lập đã phủ nhận rõ ràng quyền lực tối cao của các vị vua trong các chế độ quân chủ và các nhà cai trị nói chung. Nói tóm lại, các Nhà sáng lập đã bác bỏ mọi quan điểm cho rằng chế độ quân chủ của Anh có bất kỳ quyền hoặc yêu sách nào can thiệp vào số phận của họ - những người tự do của một quốc gia tự do. Chính khái niệm về sự bình đẳng giữa tất cả con người là một ý tưởng mới và rất nguy hiểm, vì nó sẽ trở thành mầm mống cho ý tưởng bãi bỏ chế độ nô lệ ở Hoa Kỳ, cũng như cho các phong trào tự trị trong các cuộc nổi dậy của thuộc địa trong tương lai trên khắp thế giới.

Phần thứ ba của Tuyên bố, “Tất cả mọi người đều được Tạo hóa ban tặng một số quyền tất yếu bất khả xâm phạm”, cũng mang tính cách mạng nguy hiểm, và không chỉ đối với nhà vua, mà còn đối với những người đứng đầu Âu Châu và các nhà độc tài khác trên khắp thế giới. Có một vài nguyên nhân giải thích cho điều này. Các Nhà sáng lập đã khẳng định: bài người đã và đang được Chúa tạo ra, khiến cho con người trở nên đặc biệt so với tất cả các sinh vật khác trên Trái Đất. Chỉ riêng khẳng định này đã có nghĩa là con người được Thiên Chúa ban tặng cho giá trị nội tại là nhân tính. Hơn nữa, nó khẳng định rằng các quyền của chúng ta là do Đức Chúa Trời ban cho và do đó, không thể bị tước đoạt bởi bất kỳ cá nhân, vua hay chính phủ nào. Vì vậy, các quyền bất khả xâm phạm của chúng ta KHÔNG phải do bất kỳ chính phủ nào đồng ý cấp phép - hoặc có thể tước đoạt khỏi chúng ta.

Vậy nên, giá trị quan trọng nhất của khẳng định đầu tiên trong Tuyên ngôn Độc lập là Hoa Kỳ dựa trên sự tự do tuyệt đối mà Chúa đã ban cho chúng ta, và đó là quyền cá nhân mà mỗi người Mỹ được hưởng và trải nghiệm. Khái niệm tự do này có nghĩa là chúng ta được quyền tự do đưa ra quyết định và sống cuộc sống của mình mà không bị can thiệp bởi người khác hoặc thế lực khác. Hơn nữa, sự độc lập của cá nhân đi kèm với quyền tự quyết, và quyền tự quyết đi kèm với phẩm giá con người.



“Tuyên ngôn Độc lập”, ngày 4/7/1776, một bản sao năm 1823 của William Stone.

Các quyền bất khả xâm phạm của chúng ta KHÔNG phải do bất kỳ chính phủ nào đồng ý cấp phép - hoặc có thể tước đoạt khỏi chúng ta.

Các Tổ phụ Lập quốc hiểu rõ tất cả những điều này, và biết trước rằng phẩm giá con người không được tìm thấy dưới ách thống trị của một chính phủ áp bức, mà chỉ xuất hiện trong một xã hội xem phẩm giá con người là một lý tưởng nền tảng, được thể hiện trong luật pháp, được chính phủ bảo vệ và được thực hành trong xã hội.

Đây chỉ là một vài trong số rất nhiều lý do tại sao Tuyên ngôn Độc lập Hoa Kỳ là một văn kiện mang tính giải phóng mạnh mẽ và vẫn là một trong những văn kiện nhân văn

và cách mạng nhất từng được viết ra. Trên thực tế, nó hướng tới tương lai trong hầu hết mọi bối cảnh; nó tuyên bố với một chính phủ áp bức và toàn thế giới rằng: Hoa Kỳ đã và đang là quốc gia duy nhất hướng tới mục tiêu trở thành quê hương của những con người tự do.

Tác giả James R. Gorrie là một tác gia và blogger. Ông làm việc tại Nam California.

Ngân Hà biên dịch

EPOCH TIMES TIẾNG VIỆT

www.etviet.com

CHÚNG TÔI ĐƯA NHỮNG TIN TỨC QUAN TRỌNG, TRUNG THỰC VÀ TRUYỀN THỐNG



ONLINE: www.etviet.com

BY PHONE/Call:

(626) 618-6168
(714) 356-8899

BY MAIL:

Fill out the form to the right and mail it to / Xin điền mẫu bên cạnh và gửi đến:

Epoch Times Tiếng Việt
10962 Main Street, Ste 101,
El Monte, CA 91731

Weekly print paper to your home / Một tờ báo sẽ được giao tận nhà mỗi tuần.

All subscriptions will continue until you request to cancel / Báo vẫn tiếp tục giao cho tới khi khách hàng yêu cầu ngưng.

EPOCH TIMES TIENG VIET

3 EASY WAYS TO SUBSCRIBE/Có thể đặt báo qua:

Yes, I'd like to subscribe for/Vâng, tôi muốn đặt báo:

Normal delivery/Gửi thường (khoảng 6-7 ngày sẽ nhận được báo)

6 months for \$59 12 months for \$104

Fast delivery/Gửi nhanh (khoảng 2-4 ngày sẽ nhận được báo)

3 months for \$45 6 months for \$89 12 months for \$175

NAME/Tên _____

PHONE/Số phone _____

ADDRESS/Địa chỉ _____

CITY/Thành phố _____

STATE/Tiểu bang _____ ZIP/Mã vùng _____

EMAIL _____

PAY BY CHECK/Trả bằng chi phiếu (Payable to /Trả cho: Epoch Times Tiếng Việt)

USE MY CREDIT CARD/Dùng thẻ tín dụng

VISA MasterCard Discover

Card number/Số thẻ: _____ Exp.date/Ngày hết hạn: _____

Signature/Chữ ký: _____ CVC # (REQUIRED)/Số CVC (bắt buộc): _____